

VIÊN GIÁC

Bộ mới số **1**
tháng 2, năm 1981



tap-chi của Kiều-Bào và Phật-Tử Việt-Nam
tại Cộng-hòa Liên-bang Đức

Chương trình hành lễ trong năm 1981

của Chùa VIÊN GIÁC

EICHELKAMPSTR. 35 A, 3000 HANNOVER 81 W.GERMANY / Tel. 0511-864638



Tháng hai năm 1981:

4, 5, 6, 7 và 8 Lễ cầu an đầu năm, nghinh xuân Di Lạc

15 (chủ nhật) 11 giờ: Lễ cầu an giải hạn cho tất cả đồng bào Phật Tử và Thiện Nam Tín Nữ.

Tháng ba năm 1981:

Ngày 1 (chủ nhật): Lễ Sám Hối, Giáo Lý, Pháp Hoa

ngày 15 (chủ nhật): Lễ cầu Siêu, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 27-29.3.1981: Hội thảo về Phật Giáo (gồm Hội Viên của Hội SV & KBPTVN tại TĐ cũng như những hội viên của những Chi Hội PT khác tại CHLB Đức + một số quan - khách người Đức)

Tháng tư năm 1981:

Ngày 5 (chủ nhật): Lễ Cầu An, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 19 (chủ nhật): Cầu Siêu, Giáo Lý, Pháp Hoa

Tháng năm năm 1981:

Ngày 3 (chủ nhật): Lễ Sám Hối, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 15, 16 & 17 (tức 12, 13 & 14 âm lịch tháng tư) cử hành Đại Lễ Phật Đản và cử hành lễ An Vị Phật ngôi chùa Viên Giác tại Eichelkampstr. 35 A, 3 Hannover 81

Tháng 6 năm 1981:

Ngày 7 (chủ nhật): Lễ cầu Siêu, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 21 (chủ nhật): Lễ cầu An, Giáo Lý, Pháp Hoa

Tháng 7 năm 1981:

Ngày 5 (chủ nhật): Lễ Sám Hối, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 19 (chủ nhật): Lễ Tịnh Độ, Giáo Lý, Pháp Hoa

Tháng 8 năm 1981:

Ngày 2 (chủ nhật): Khai kinh Vu Lan và tụng kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu trọng ân

Ngày 7, 8 & 9 (tức mồng 8, 9 & 10 tháng 7 âm lịch) cử hành Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu

Tháng 9 năm 1981:

Ngày 6 (chủ nhật): Lễ Sám Hối, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 20 (chủ nhật): Lễ Cầu Siêu, Giáo Lý, Pháp Hoa

Tháng 10 năm 1981:

Ngày 4 (chủ nhật): Lễ Cầu An, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 18 (chủ nhật): Lễ Tịnh Độ, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 23, 24 & 25: Hội thảo lần thứ hai trong năm về Phật Giáo (Việt + Đức)

Tháng 11 năm 1981:

Ngày 1 (chủ nhật): Lễ Sám Hối, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 15 (chủ nhật): Lễ cầu siêu, Giáo Lý, Pháp Hoa

Tháng 12 năm 1981:

Ngày 6 (chủ nhật): Lễ cầu an, Giáo Lý, Pháp Hoa

Ngày 20 (chủ nhật): Lễ Tịnh Độ, Giáo Lý, Pháp Hoa

Chương trình hành lễ trong năm 1981 của chùa Viên Giác đại lược đã ghi trên. Quý vị Đạo Hữu hay Quý Phật Tử muốn tham dự những khóa lễ trên xin xem theo bảng hướng dẫn cách đi, cử như ngày giờ và địa điểm. Những ngày lễ thường trong tháng đều bắt đầu từ 11 giờ trưa cho đến 15 giờ chiều và hầu như không thay đổi. Chỉ những Đại Lễ và những buổi hội thảo có thể xê dịch đôi chút cho phù hợp với nhiều điều kiện khác.

Quý vị Phật Tử ở xa có thể về chùa ngày thứ bảy, để hành lễ vào ngày chủ nhật. Vì việc tạm trú cho Quý vị nơi chùa đã tạm có đủ phương tiện.

Mọi sự đóng góp định kỳ hay bất thường cho việc điện, Gas, nước, in kinh ấn tống, cúng dường xin Quý Vị liên lạc thẳng về địa chỉ trên hoặc Quý vị cũng có thể chuyển thẳng vào số Koi của ngân hàng như sau: Thích Như Điện (Lê) Deutsche Bank Hannover Konto Nr. 8650228 BLZ 251 700 70.

VIÊN GIÁC

Bộ mới số 1, tháng 2, 1981

Trong số này

	trang
.Thư tòa soạn	1
.Về sự hình thành nền văn học nghệ thuật VN	2
.Tài liệu lịch sử PGVN thời Pháp thuộc	3
.Tuyển tập Phật Giáo với Văn Hóa Việt Nam	5
.Ta thấy gì qua các văn thơ của Thiêngiathứ trước	9
.Thiền Học	12
.Bản ghi công đức	14
.Trang giáo lý GEPT	15
.Thơ	18
.Quốc sử tập lục	19
.Việt Nam Phong sự	21
.Đầu năm Xuân thứ n g á m mây văn thơ...	24
.Đường về Nam cực	26
.Phụ bản	31
.Trong cơn lốc đỏ	32
.Ý nghĩa cơ Phật Giáo	35
.Tin Tức Phật Sự	36

Chú Trương:

Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỂN

Thực hiện: MAI VI PHÚC

Kiểm duyệt: THỊ CHƠN

cùng sự đóng góp của

HỘI SINH VIÊN và KIỆU BẢO
PHẬT TỬ VIỆT NAM tại
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Tòa soạn: Chùa VIÊN GIÁC

Trung tâm VĂN HÓA PHẬT GIÁO
VIỆT NAM tại C.H.L.B.ĐỨC

Eichelkampstr. 35a 3000 Hannover 51

Điện thoại: (0511) 86 45 38

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có dạy "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành". Qua lời dạy ấy chúng ta biết được rằng: Phật tính ẩn tàng nơi mỗi chúng sinh.

Thế nhưng từ biết tới giác ngộ Phật tánh, chúng ta cần phải trải qua nhiều đoạn đường tu học. Mỗi người tùy theo căn cơ, tùy theo nhân duyên chọn lấy một con đường. Tại nhà hay giữa chợ, sâu trong rừng núi hay dưới mái chùa, chỉ khi nào đã giác ngộ rồi, những lời dạy của Đức - Phật mới không cần thiết nữa. Nếu không, chân lý vẫn là sự kiếm tìm, lúc bấy giờ giáo lý của Đức Thích Ca vẫn cần phải hoằng dương.

Và vì Phật tính ở nơi mỗi chúng sanh cho nên phải ngay chính mỗi chúng sanh hành đạo. Điều đó đã giải thích sự có mặt của Phật Giáo ở bất cứ nơi nào, bất cứ thời nào mà ở con người còn phải chịu sống trong sự đau khổ.

Phật Giáo Việt Nam cũng vậy, cùng gắn liền vào sự thịnh - suy của lịch sử dân tộc Việt Nam. Thời cực thịnh, một triều đại cũng không là cõi Niết Bàn, cho nên buổi suy vong của nó, càng là nguồn an ủi khẩn thiết làm với nỗi khổ đau của con người.

Trong cảnh sống ly hương hiện tại, chắc chắn không người tị nạn nào nghĩ rằng mình đã tìm thấy được hạnh phúc. Có người tưởng nhớ người thân nơi quê nhà, người khác vẫn chưa quên được những kẻ đồng hội đồng thuyền đã vùi thây dưới đáy biển và không ít người buồn tủi vì những cảnh ngộ nơi xứ lạ quê người...

Trước thảm kịch ấy, những lời dạy của Đức Phật nếu không giúp chúng ta phục hồi được những gì đã mất, ít ra cũng khiến chúng ta nguôi ngoai được nỗi sầu khi nhận chân được sự vô thường ấy, nỗi khổ ấy là yếu tính của kiếp người.

Hội được nhân duyên để truyền đến đồng bào tị nạn giáo lý của Đức Phật, đó là tâm niệm hiện tại của chúng tôi. Chánh sách tiếp cư của chính phủ Cộng Hòa Liên bang Tây Đức nhằm phân tán số đồng bào tị nạn chúng ta khắp các tiểu bang có điểm lợi là tránh được cho đồng bào ẩn tượng bị tập trung vào một chỗ. Nhưng nó có gây nên ít nhiều trở ngại cho việc lui tới chùa thờ cúng xuyên của Phật Tử ở xa, mặc dù có nhiệt tâm vì đạo. Do đó việc hoằng pháp bằng phương tiện sách báo lại trở nên cần thiết để bổ trợ những bài thuyết giảng tại chùa trong những ngày lễ.

Sự cải tiến tờ Viên Giác là bước đầu tiên tới việc thành lập một TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM tại CHLB Đức nhằm thực hiện tâm niệm ấy của người Phật Tử chúng tôi tại đây. Chúng tôi biết rằng công trình ấy đòi hỏi nhiều nỗ lực và sự giúp đỡ. Nhưng chúng tôi luôn tin tưởng vào Thần lực của chữ Phật, chữ Bồ Tát, chữ Thánh Tăng Thánh - Tử Đạo cùng sự hộ pháp của chữ Phật Tử gần xa, chúng ta sẽ tạo dựng được một môi trường thuận duyên cho việc gieo - trồng hạt giống Bồ Đề, để giữ gìn chánh pháp.

I

30.4.1975 Sài Gòn thất thủ. Nhiều người nhất là dư luận Tây phương cho rằng, chiến tranh Việt Nam đã kết thúc, sau 30 năm khói lửa tàn khốc, như thế đó là một cuộc chiến tranh chỉ có thể giải quyết duy nhất bằng quân sự và chính trị. Hà Nội trong men chiến thắng hờ reo âm-ĩ sức vô địch của mình càng khiến dư luận kia thêm phần vững chắc. Họ quên rằng đó là một cuộc chiến tranh ý-thức hệ giữa những người VN theo chủ nghĩa Mác-Lê và những người VN chống lại. Quân sự và chính trị chỉ là 2 mặt trận trong nhiều mặt trận mà một ý thức hệ chi-phối. Chiến thắng trên hai mặt trận này không có nghĩa đã kết thúc thắng lợi một cuộc chiến tranh. Những biến cố xảy ra sau đó đã khiến Hà-Nội nhận ra được sự chủ quan vội vã của mình. Và lần này "kẻ thù" của họ không còn là một tập đoàn nữa. Kẻ thù là tất cả người dân không CS

Bằng mọi cách, người dân VN đã chống lại một ý thức hệ nông cạn chỉ là một bóng mờ so với những lời dạy chứa-chàng lòng tử bi và bác-ái của Đức Phật và Chúa. Tiêu-cực như trên sân khấu mà các diễn viên của chế độ cũ đã tìm mọi cách để điều cốt nh những "lời dạy của Bác Hồ" hoặc lối bích họa các vaicán bộ và bộ đội. Hoặc tích cực như từng nhóm kháng cộng vũ trang đang tiếp tục chiến-đấu... Không kể tới những cuộc biểu tình công-khai của tín đồ Thiên chúa giáo, các vụ tự thiêu của Tu-Sĩ Phật Giáo, sự phản kháng của thành phần trí thức chống-cộng.

Dù tiêu cực hay tích cực, công khai hoặc ngầm ngấm, những sự chống đối này cũng

đã khiến các nhà lãnh-đạo Hà Nội nhận ra được sự thật. Chiến tranh ý thức hệ giữa hai miền Nam Bắc vẫn chưa thật sự kết thúc, nó sẽ hứa hẹn lâu dài, và không kém phần cam go cho họ.

Những người đã sống dưới chế độ cộng sản đều biết mặt mũi đầu tư chống đối gần như toàn diện và ngay từ đầu, người dân trong sức kềm kẹp tàn bạo của guồng máy công an và tình báo của cộng sản

VỀ SỰ HÌNH THÀNH

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

Trương Đình Thụy



II

Nhận định trên chắc hẳn sẽ khiến một vài người đặt thành câu hỏi: nó có liên hệ gì tới tựa của bài "Về sự hình thành nền văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại"?

Nhìn phiên diện, người ta có thể cho là không có một liên hệ nào. Sự chống cộng chỉ dấu hiệu khi diễn ra tại Việt-Nam và thiết yếu phải bằng quân sự và chính trị. Một nền văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại, xuyên qua cái nhìn như vậy, chỉ là những sinh hoạt có tính cách mua vui, làm khuây khỏa nỗi buồn xa xứ.

Nhưng, nhìn kỹ vẫn dễ, chúng ta sẽ thấy rõ hơn tầm mức quan trọng của một nền văn học nghệ thuật Việt Nam Hải ngoại và sự đóng góp không nhỏ, nếu không muốn nói là có tính cách quyết định, của nó trong cuộc chiến đấu chống cộng còn tiếp diễn lâu dài của chúng ta.

sẽ gặp rất nhiều khó khăn ở trong các hoạt động vũ trang chống đối, trong các cuộc tập hợp nhằm nói lên lập trường hoặc thái độ chính trị của mình. Dù vậy, những hoạt động ấy vẫn còn khả dĩ thực hiện được lẽ tẻ bằng cách này hay bằng cách khác, ở nơi này hoặc nơi khác. Riêng các hoạt động văn học nghệ thuật kháng cộng sản tuyệt nhiên, không còn cách nào duy trì được tại quê nhà. Dưới sự chỉ đạo của Đảng và trong tay nhà nước mọi sinh hoạt văn học nghệ thuật đều nhằm vào một mục đích duy nhất: ca ngợi ý thức hệ Mác-Lê để củng cố quyền hành của tập-đoàn lãnh đạo. Một nền văn học nghệ thuật tự do, đã đang và nhiều màu sắc hoàn toàn vắng bóng.

III

Điều đó đã giải thích sự có mặt đông đảo của các thành-phần văn nghệ sĩ, các nhà trí thức, các vị lãnh đạo tinh-thần trong số các thuyền-nhân. Đó cũng là một trong bao nhiêu cách chống cộng tích cực nhất, hiếm nghèo nhứt nếu chúng ta biết được rằng trong số 100 người vượt biên, quá nửa tìm thấy sự tự

xem tiếp trang 35

Phật Giáo Việt Nam thời Pháp thuộc

(1862-1954)

Thượng Tọa Thích Hiền Chơn —

Thượng Tọa Thích Hiền Chơn thuộc thế hệ các Thượng Tọa Thích Thiện Hòa, Thích Thiện Hoa Thích Trí Tịnh. Đã theo học tại các trường Tây Thiên Sơn Môn (Huế) và trường Báo Quốc sau đó Ngài xuất ngoại tìm hiểu Phật Giáo nước ngoài tại Mỹ Châu, Âu Châu và Á Châu. Trở về nước cuối thập niên 50, Ngài viết các cuốn sách: Sự lý Đạo Phật để tu hành, Tọa Thiên, Phật Giáo và Thiên Tông...

Tài liệu này, được trích từ cuốn "Lược khảo Phật Giáo sử Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật - Giáo" sách phát hành vài ngày trước khi cộng quân chiếm Sài Gòn (30.4.75). Được đem vào Phật Học Viện Huế. Nghiêm một thời gian, sau đó bị bắt buộc phải nộp cho chính quyền CS vì bị liệt vào sổ sách báo phản động.

Viên Giác



1 SỰ THỦ CỤ CỦA TRIỆU NGUYỄN VÀ THÂM Ý THỰC DÂN PHÁP.

Pháp bắt đầu dòm ngó Việt Nam từ cuối thế kỷ 18. Thất bại trước Anh trong cuộc chạy đua giành thuộc địa tại Ấn Độ, Pháp hướng mắt tới những miền xa hơn nhưng không kém phần trù phú.

Tháng 2 năm 1778, Charalier - trấn thủ Chandernagor, một thị trấn ở Ấn Độ thuộc Pháp - đệ trình lên Bellecombe - toàn quyền đất Ấn thuộc Pháp - đề nghị giúp Nguyễn Ánh để tạo cơ hội đặt chân lên xứ Đàng Trong. Ông căn cứ những lời thuật của Giáo sĩ Lourei

ro, đã ở Đàng Trong 25 năm nên biết rõ tình thế, theo đó sự can thiệp của Pháp sẽ có lợi về sau. Nhưng lúc bấy giờ Pháp còn đang bận giúp các thuộc địa Anh tại Mỹ Châu dành lại độc lập, nên tạm thời gác lại mộng thôn tính Việt Nam.

Phải cho tới chín năm sau, Pháp mới bắt đầu cụ thể hóa thâm ý của họ. Ngày 28. 11. năm 1787, Bá Đa Lộc ký với Bá Tước Montmorin bản điều ước có năm điều như sau:

1% Vua nước Pháp thuận giúp Nguyễn, Vương 4 chiếc t à u chiến và một đạo binh gồm 1200 lục quân, 200 pháo binh

250 hắc binh Phi Châu và đủ các thứ súng, thuốc đạn.

2% Vua Việt Nam nhượng đứt cho Pháp cửa Hội An (Faifo) và đảo Côn Lôn (Poulo Condore).

3% Vua Việt Nam phải cho nước Pháp vào buôn bán tự do trong nước chẳng chọn nước nào khác được vô buôn bán.

4% Khi nào Pháp cần đến lính thủy, bộ binh, lương thực tàu bè ở phương Đông, vua Việt Nam làm sao cho đủ số đó giúp Pháp.

5% Khi khôi phục nước nhà rồi, mỗi năm vua Việt - Nam phải đóng một chiếc tàu y như Pháp đã cho sang giúp để đem trả cho nước Pháp.

Đọc bản điều ước trên, người ta nhận ra ngay được thâm ý của thực dân Pháp. Khi ông những đời Việt Nam phải trả "ón" (!) bằng cách dành độc quyền buôn bán tại Việt Nam theo như điều 3 của bản điều ước, Pháp còn buộc Việt Nam tiếp tay để củng cố và mở rộng thuộc địa. Điều bốn đã không dấu giếm sự mặc cả không chút nhượng bộ. Không cần tìm hiểu lâu dài, người ta cũng biết được rằng số lính thủy, bộ binh, lương thực, tàu bè ấy chỉ được dùng trong hai trường hợp. Một là giúp Pháp đàn áp các phe trào chống ngoại xâm tại thuộc địa. Trường hợp còn lại, phụ lục cho Pháp thôn tính các phần đất khác.

Bản điều ước đã ký được giao cho Tổng trấn h à n h Pondichéry (Ấn Độ, tên De Con nay, bá tước kinh lý việc giúp Nguyễn Ánh. Những sang tới Pondichéry, Bá Đa Lộc có chuyện bất hòa với De Con - nay nên vị sau này tâu lại

với vua nước Pháp là vì ệc giúp Nguyễn Ánh không đem lại một mối lợi nào. Thâm ý ấy của thực dân Pháp không phải là một điều mới lạ. Lịch sử bang giao giữa các dân tộc chưa hề cho thấy một hành vi nghĩa hiệp chỉ cho đi mà không cần điều gì đổi lại. Vua quan triều Nguyễn cũng thừa biết như vậy. Tiếc rằng họ đã không chịu làm những gì cần thiết để tránh họa mất nước, chỉ quanh quẩn trong những tranh chấp danh xưng, trong sự căm đào. Tệ hại hơn nữa, về nội bộ, họ chỉ cốt làm sáng tỏ ý niệm "tôn quân" để củng cố uy quyền. Và muốn như vậy họ cần phải nêu không rập theo khuôn các chế độ cũ thì cũng phong theo các hình thức cai trị đương thời của Trung - Hoa. Những lời điều trần, thỉnh cầu cạnh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ, của Phan Thanh Giản không làm sao phá vỡ được chủ trương "Bế quan tỏa cảng" của những đầu óc thủ cựu. Những vị câu tiến này bày tỏ nỗi chán chường của mình trong những lời thờ còn lưu lại tới ngày nay. Khi thi hần học như Cao Bá Quát với giọng miệt thị: "Con giun còn biết đầu là cao sâu", có lúc ngậm ngùi như họ Phan khi viết: "Từ ngày đi sứ Tây Kinh/thầy việc Âu châu phải giứt mình! / Kêu tỉnh đồng bang mau kịp bước. Hết lời năn nỉ, chẳng ai tin. Đôi khi những lời bày tỏ đó có lọt vào tai nhà vua khiến nên một đôi lời phán dạy: Hề xét nên cẩn thận, suy nghĩ cho chín, nhưng cũng phải làm thế nào cho tiến bộ, chứ không tiến bộ là thời vậy". của vua Tự Đức. Hoặc trước đó của vua Minh Mạng. "Lâu nay khoa cử, làm cho người ta sai lầm. Trăm nghĩ vạn chớ không có quy củ nhất định, mà nay những văn cử nghiệp-

chỉ câu nệ cái hư sáo, khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự do, khoa trường lấy hay dở cũng do tự do. Học như thế thì trách nào mà nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập tục đã quen rồi, khó có thể đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại". Tiếc rằng những lời phán dạy sáng suốt đó rất hiếm hoi và khế có tiếng vang trong hàng ngũ các triều thần chính tới danh lợi một thời, quên đi tiên đồ dân tộc.

2 PHẬT GIÁO TRIỀU NGUYỄN

Phật Giáo trong giai đoạn này không có những công trình nào đáng kể, ngoài việc sắc tử xây cất hoặc trùng tu các chùa.

Năm 1815 Vua Gia Long (1802-1819) sắc chỉ trùng tu chùa Thiên Mục, cho triều Ngải Mật Hoàng về Trung cấp chức Tăng Cang, để khích lệ các nhà sư chôn chánh làm gương mẫu cho chú Tăng. Ngoài sắc chỉ trùng tu chùa Thiên Mục, vua Gia Long còn sắc tử rất nhiều chùa khác ở các tỉnh Trung kỳ. Trong Nam đại lược có thể kể chùa Khải Tường, thuộc thôn Hoạt Lộ huyện Bình Dương, xây cất năm 1791, nay còn lại nên nói trường y khoa cũ, đường Trần Quý Cáp, được Nguyễn Vương kiến tạo để kỷ niệm nơi sanh Thái - Tử Đóm (tên vua Minh Mạng) năm 1863. Tới năm 1867 Pháp phá chùa này, dời di tượng Phật mà vua Gia Long đã thỉnh từ Nhật Bản. Tượng này nay còn để tại viện bảo tàng SG. Ngoài ra có chùa Tử An, thuộc thôn Hoà Hưng (nay là Chợ Lớn), được Hiếu - Khương

Hoàng Hậu sắc chỉ cho là m chùa công (1802). Tại đường - Minh Mạng bây giờ, có chùa Hưng Long được tạo năm 1794. Về sau có người trong làng tên Bình Yên quyên tiền để Hoà Thượng Phước An lập năm Gia Long thứ hai (1803). Xa xuống miền Nam một đôi là chùa Tôn Thạnh do sư Tăng - Ngô lập năm 1808 tại Cần - Giuộc, chùa còn có tên là chùa Ông Ngô. Tại Mỹ Tho, xã Thạnh Phú Xoài hột, chùa Linh Thứu được coi như là một thắng cảnh của xứ này. Khi chạy trốn quân Tây Sơn, Nguyễn Vương đã có lần ẩn náu tại chùa; do đó năm 1811, vua ngự tứ là chùa Long Nguyên. Có thể kể thêm tại Định Tường, chùa Buồng Lâm (Phủ Hội) do bà Nguyễn thị Đạt xuất tiền xây cất năm 1803 và chùa Thiên - Phước do người trong xã là Ban Văn Tiên ủng hộ tài chánh cúng trong năm này. Như chúng ta cũng thấy, kể từ ngày lên ngôi năm 1802 cho đến lúc chính thức xưng đế hiệu và định triều nghi, vua Gia Long phải mất bốn năm. Vì từ năm 1775 quân Trịnh chiếm Phú - Xuân, kinh đô chúa Nguyễn tới năm Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà năm 1802, binh biến kéo dài, chính trị, phong tục đều bị đổ nát. Bây giờ phải chấn hưng lại mọi mặt. Đại khái về nội trị lập lục bộ trông coi mọi việc, chỉ bổ chức, thăng - tụt, cũng y theo chế độ nhà Lê, nhưng còn các trấn nạng về võ trị hơn văn. Ngoài lục bộ còn có Đô sát viện để can vua và đặng hạch các quan. Vua cử Nguyễn Văn Thành soạn luật, tham chiếu luật Hồng Đức nhà Lê nhưng kỳ thực chép lại luật nhà Thanh, chỉ thay đổi một ít. Vua Gia Long lo mang văn học để thi Hương lấy nhân tài ra làm quan. Công việc nội trị và ngoại giao đã đánh mất nhiều thời giờ và chính sự đòi hỏi sự thực hiện

xem tiếp trang 25



Sự nghiệp của PHẬT GIÁO trong Triều LÝ

Bài của THẠC DỨC

————— NGUYỄN DOãn CAM LỘC sưu lục —————

LỜI TÒA SOẠN: MỤC "TUYỂN TẬP PHẬT GIÁO VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM" do học giả NGUYỄN DOãn CAM LỘC phụ trách và hy vọng vì lợi ích của Phật Giáo đã đóng góp với văn hoá của dân tộc Việt - Nam suốt trong bao nhiêu thế kỷ hưng thịnh vừa qua. Toàn Ban biên tập chúng tôi cũng xin cảm ơn học giả NGUYỄN DOãn CAM LỘC và học giả MẶC KHÁCH đã không ngại thời giờ eo hẹp, hoàn cảnh khó khăn đã đóng góp tích cực cho Đặc San Viên Giác những bài khảo cứu và sưu lục về Phật-Giáo cũng như văn hóa Dân Tộc thật có giá trị. Đầu năm Tân Dậu toàn ban biên tập xin kính chúc nhị vị học giả luôn được v an sự kiết tường như ý.

Tứ lâu Phật Giáo Việt Nam đã từng làm đề tài khảo - luận cho nhiều học giả nước nhà. Ngoại trừ một số ít bài, được in thành sách phần lớn đã được đăng trên báo chí ở Việt-Nam đến nay rất khó kiếm lại được.

Gần đây chúng tôi có may mắn sưu tầm được một số tạp - chí xưa trong đó có đăng khá nhiều bài khảo luận về Phật-Giáo Việt Nam. Bởi vậy, chúng tôi đã có ý nghĩ sưu lục những bài vừa được biên soạn công phu nhất lại có liên quan tới văn hoá Việt Nam, để lần lượt công hiến quý vị độc giả.

NGUYỄN DOãn CAM LỘC

Đời Lý có thể gọi là thời kỳ thịnh nhất của Phật Giáo VN. Trong hơn 200 năm, trải qua tám đời vua, Phật Giáo đã giữ một địa vị độc tôn, và trên công cuộc xây dựng một nền văn hoá quốc gia, Phật -Giáo đã góp một công trình vĩ đại.

Nếu không phải là viên đá duy nhất để xây dựng một nền tảng văn hoá ban đầu thì ít ra, Phật Giáo đời Lý cũng phải

là một viên đá to nhất. Về phương diện tinh thần cũng như về phương diện vật chất, ảnh hưởng của Phật Giáo ăn sâu vào tất cả các ngành hoạt động trong nước. Ngày nay tinh thần đạo Phật đã không tách rời khỏi tinh thần dân - tộc văn hóa Phật Giáo đã hầu là một yếu tố căn bản trong nền văn hoá dân tộc Việt Nam, là vì trong buổi đầu của sự tạo dựng văn hoá, dân tộc Việt Nam

đã được nuôi sống bằng những món ăn bổ dưỡng và cần thiết của Phật Giáo.

SỰ NGHIỆP VĂN HỌC:

Ở đời Lý, các Tăng hiểu rất rộng, nên Tăng già có nhiều ảnh hưởng đến văn hóa đương thời. Nhờ sách Thiên Uyên Tập, Anh và một số bia dựng từ đời Lý, những vấn đề đời ấy còn để lại. Bao nhiêu sách vở và thi văn xuất hiện ở thời ấy, phần nhiều là ở các bậc Tăng già. Các nho gia cũng được thâm nhuần tư tưởng Phật Giáo, nên trên thi văn của họ ảnh hưởng của Phật Giáo cũng rất sâu đậm.

Mỗi ngôi chùa thời ấy là một nơi diễn đàn, một chỗ học - giảng mà số người theo học không những là thường dân mà cả những công hầu khanh tướng. Mỗi chùa có thể gọi là một trường Đại Học dạy về tâm học ở đó sự học hỏi nhất luật - bình đẳng, không phân biệt sang hèn già trẻ. Học trò không quản công lao gian khổ, các bậc danh thần như Thái-Uy Tô Hiến Thành và Thái Bảo Ngô hòa Nghĩa cũng đã phải xin thụ giáo theo lễ, học với Thiền Sư núi Cao đế, trải qua 10 năm mới có thể gặp mặt Thầy. Người nào được Thầy Truyền cho tâm ấn là mãn nguyện.

Về văn chương trong lịch - sử độc lập của nước ta các bài thơ đầu tiên thuộc về 2 vị: Pháp Sư Đỗ Thuận và Pháp sư Khuông Việt. Ấy là năm 978, văn hào Lý Giác là sứ nhà Tống sang phong cho Lê - Hoàn làm tể tướng tiết- độ. Pháp sư Đỗ Thuận phụng mệnh vua ra tiếp. Các sách Thiên- Uyên tập anh và Đại Việt sử ký toàn thư chép rằng: pháp sư Giác làm người chèo thuyền cho Lý Giác. Thấy 2 con ngỗng, Lý

Giác vốn thích làm thơ ngâm.
Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha
(Song song ngóng một đôi
Ngựa cổ ngó ven trời)

Người chèo đò nghe, ứng khẩu
đọc tiếp:

Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba.
(Lông trắng phơ giông biếc
Sóng xanh chân hồng bãi)

Giác nghe lấy làm khâm phục.
Đến khi gặp vua, Giác tỏ vẻ
rất kính trọng. Khi Giác tử
biệt về nước, vua nhờ Khuông
Việt Pháp sư làm một bài
hát theo điệu "Tống vương -
lang quy" đưa tặng. Sách Thiên
Nguyên Tập Anh còn chép bài
ấy:

Tướng quang phong hảo cầm
phàm tướng.
Thần tiên qui đế hướng.
Thiên lý vạn lý thiệp thường
luống.
Cuối thiên qui lộ trường.
Nhân tình thâm thiết đối ly
trường.
Phan luyến sử tình lang.
Nguyễn tướng thâm ý vị Nam
Cuống.
Phân minh báo ngã hoàng.

Dịch:

Trời quang, gió thuận, buồm
đương
Thần tiên phút đã giục đặng
bồng lai.
Mệnh mang muôn dặm biển -
khởi,
Lối về trông bóng chim trời
xa xa,
Bâng khuâng trước chén quan
hà,
Nhớ ai lòng những thiết tha
nỗi lòng.
Xin ai vì cõi nam trung
Rõ ràng gói lại mặt rống
trước sau.

(Ngô Tất Tố dịch)

Bài ca soạn xong, vua thiết-
tiệc chúc sứ lên đường,
cùng nhau nâng chén tiễn-
biệt. Trong lịch sử ngoại
giao của nước Việt, bài hát
này là lời tiễn-chúc-tử thân
thiện đầu tiên. Mà lời chúc
tử này lại là của một nhà
sử!

Sang triều Lý, các nhà S ư
không tiếp sứ nữa, vì các nhà
thần đã đủ để lo việc ngoại
giao. Nhưng các Thiền sư vẫn
luôn luôn là những người
tài giỏi và hay chữ nhà
trong xã hội. Sách Thiên Nguyên
Tập Anh chép chuyện các
Thiền Sư, trong chuyện nào
cũng có ghi một vài bài thơ
của Thiền sư để lại. Nguồn
là nguồn đạo lý sâu xa. Có
những bài thơ bày tỏ lại
sự hiểu biết đọc lên ý tứ
sâu kín thâm trầm. Có những
bài thơ để hiểu, đọc lên ta
thấy được sự thanh thoát của
những đời tình mặc.

Về phía họ, các nhà thi văn
chịu ảnh hưởng nhiều của Đạo
Phật vì hằng ngày đều có
giao thiệp với chủ Tăng. Thơ
văn của họ ngày nay mất mát
gần hết, ngoài một ít bài
được giữ lại nhờ sách Thiên
Nguyên Tập Anh.

Nói tóm lại, văn học đời Lý
cũng đã có thể gọi là thi
văn chịu ảnh hưởng của Đạo
Phật rất nhiều. Nhờ Đạo Phật
với các bia ký, các kinh-
sách và tác phẩm còn được
giữ lại một phần. Vì thế đời
với sự phát triển và bảo-
tồn văn học nước nhà, Phật-
Giáo đã có một sự nghiệp to
tát vậy.

SỰ NGHIỆP MỸ THUẬT

Về các ngành mỹ thuật như
kiến trúc, hội họa, điêu khắc
đạo Phật đã là một động lực
thiết yếu cho sự phát triển
mạnh mẽ.

Thiền gia đời Lý đã để lại
bốn công trình mỹ thuật. Đó
là An-Nam tứ đại khí:

1.- THÁP BẢO THIÊN.- Tháp
Bảo Thiên là một ngôi tháp -
gọi là Đại Thắng Tứ Thiên,
xây năm 1057 ở chùa Sùng -
Khánh trong phạm vi chùa Báo
Thiên (nay là khu đất mé đồng
Hồ Hoàn Kiếm). Tháp này cao
đến 10 trượng, có tất cả mười
hai tầng, mỗi viên gạch đều
có in niên hiệu Long Thụy -
Thái Bình. Vào đời nhà Hồ tháp
này bị đổ mất ngọn. Năm 1427
Lê Lợi làm một cái chòi cao
bằng tháp ấy để nhìn vào thành
Đông Đô của giặc. Về nhà Tây
Sơn đổ gạch tháp ấy để xây
dựng việc khác.

2.- PHO TƯỢNG QUỲNH LÂM

Đây là một pho tượng bằng đồng
ở chùa Quỳnh. Báo Đuốc Tục số
77 có bài "Lục lai di - tích
chùa Quỳnh" của Đỗ Nam - T ử
Nguyễn Trọng Thuật, có đoạn:
"Cổ trông cái lòng bia cổ cao
lớn ở ngoài vườn cửa chùa có
chép kích thước và bề cao cái
diện che pho tượng ấy, thì
chùa Quỳnh để tiếng đến nay
không phải là vô cơ. Cái bia
đá cao đến 8,9 thước, xung
quanh chạm long ở rất khéo mà
đứng giữa trời bị nắng mưa
đều dãi nay, nét chạm cũng bị
tiêu mòn khó nhận như nét chữ
trong bia. Song so với bia
với lối tục truyền phù hợp
thí đứng ở bên đò Triều m é
nam huyện Đông Triều các
chùa Quỳnh ước 10 dặm, mà còn
trông thấy cái nóc điện che
sát đầu pho tượng ấy thì biết
tượng ấy to hơn tượng Chân Vũ
nhiều.."

3.- ĐÌNH PHỔ MINH.- một cái
Đình vĩ đại ở Nam Định và

4.- CHUÔNG QUY ĐIỀN.- một Đại
hông chung đúc năm 1080 ở
chùa Diên Hựu, Bắc Ninh. Năm
1426, bọn Vương Thông bị Lê-

Lợi đánh thua ở trận Tuy Động hết quân khí, mỗi phá chuồng Quy Điền và Đỉnh Phò Minh để làm súng đạn.

Ở triều Lý, các chùa tháp được xây dựng với một quy mô rộng lớn. Những danh lam còn lại hiện giờ ở Bắc Việt phần nhiều đều do tư đời Lý lập ra. Những thắng tích ở Hà Nội như quán Trấn Vũ (1102) chùa Một cột (1049) đền Hai bà (1160). Đền Voi Phục, đều được khởi tạo từ đời nhà Lý.

Các vua Lý còn tạo dựng nhiều cung điện ở Thăng Long những nơi đến chơi, những nơi làm lễ, xem gặt, xem cày. Tuy những kiến trúc này không phải là của Phật Giáo nhưng đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của sự dựng chùa. Về kiến trúc, ta hãy xem đoạn này mà giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã trích dịch trong chiếc bia "Số Trụ Chiếu Trát Tăng Tu" của nhà Tống nói về sự tạo dựng chùa một cột của vua Lý Nhân Tông:

"Ở vườn Tây Cấm, dựng chùa Diên Hựu (chùa Một Cột). Theo đầu chế độ cũ, thêm mưu mẹo của nhà vua. Tạc hồ Linh Chiếu. Trên hồ dựng lên một cột đá. Trên cột đá có hoa sen nghìn cánh. Trên hoa lại gác một tòa điện. Trong điện đặt tượng Phật vàng. Chung quanh hồ có hành lang bằng sứ vẽ. Ngoài hành lang lại có hồ Khang Bích bọc bên bể, có cầu thông ra ngoài sân. Trong sân, kê đầu cửa chùa, có dựng hai tháp lớp ngôi sứ".

Những cung điện chùa miếu cũ nay không còn, song còn một vài tòa tháp, một ít tấm bia, bể đá hay ít nhiều đồ chạm trở còn lại, cho thấy rằng, nghề kiến trúc và điêu

khắc triều Lý rất tinh vi và hùng vĩ, các đời triều đại sau không sánh kịp.

SỰ NGHIỆP CHÍNH TRỊ

Trong giới Tăng sĩ, còn nhiều vị, ngoài sự hiểu biết về Đạo Phật, còn tinh thông về nhiều môn khác. Các vị ấy bác lãm sách vở và am tường được đại thể thiên hạ. Các vua có tôn trọng tăng đồ, một phần vì đạo, nhưng một phần cũng vì chính trị. Nước ta vừa mới được ra khỏi thời kỳ đồ hồ dài dằng dặc được độc lập, các nhà Vua đời nhà Đinh phần nhiều là những kẻ vũ biên. Nhiều cực hình như cột đồng đốt nóng vạc dầu đun sôi, củi ngâm sông, chuồng báo... của các vua Đinh Lê dùng để trừng phạt kẻ có tội, phần chiểu được phần nào tính cách dã man của một triều đại trog bước đầu xây dựng văn hóa. Đời Lý, chính trị đã nhô học văn và tài lực của chư tăng mà được cải thiện, văn minh hơn.

Pháp sư Ngô Chân Lâu người đầu tiên được mời ra tham dự việc triều chính giúp vua Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Pháp sư được ban chức Tăng Thống, hiệu là Khuông Việt đại sư, nghĩa là vị đại sư khuông phò nước Việt.

Sách Thuyền Uyên Tập Anh có chép, sau khi Lê - Hoàng lên ngôi "phàm sự quân quốc đều giao cho sứ hết".

Thiền sư Vạn Hạnh cũng đã có ảnh hưởng rất lớn trong giai đoạn lập nghiệp đầu tiên của nhà Lý. Từ đời Lê, Thiền sư đã nổi tiếng là một bậc quang kiến. Khi đánh Tống và đánh Chiêm, vua Lê Đại Hành đã từng hỏi ý kiến

Thiền Sư. Chính Thiền sư đã biết trước rằng nhà Lê sắp mất, nhà Lý sẽ lên thay, và đem việc nói với Lý Công Uẩn,

Ông Nguyễn Đổng Chi, trong sách Việt Nam cổ văn học sử, có trích dịch một đoạn về những lời của Viên Thông - Thiền Sư giải bày với vua Thần Tông về lẽ hưng vong trị loạn:

"Thiên hạ cũng như một đồ vật, để nó vào nơi yên thì yên vào nơi nguy thì nguy, cốt trông ở chỗ sơ hạnh của nhà vua; nếu có cái đức hiếu sinh thấm vào lòng dân thì dân yêu như cha mẹ ngóng như trời trăng; ấy là đặt thiên hạ vào nơi yên đó... Lại trị và loạn ở tại trăm quan, được người thì trị mà không được người loạn. Tôi trải xem các bậc đế vương đời trước, chưa có khi nào không dùng quân tử mà hưng, không dùng bậc tiểu nhân mà vong, mà đến như thế chẳng phải một mai một chiều đâu, tự nó dần dần lại vậy. Trời đất không thể thay nóng đổi rét liền mà dần dần ở mùa Xuân, mùa thu. Bậc vua chúa không làm hưng hay vong liền mà dần dần ở sự thiện hay ác. Bậc thánh vương xưa biết như thế nên mới bắt chước đức trời - không nghĩ để sửa mình, bắt chước đức đất không nghĩ để yên người. Sửa mình là thận trọng ở bề trong, run sợ như dấm lên băng mỏng. Yên dân là kính lễ dưới, hải hùng như cuối ngựa nắm dây cương mục. Theo lời đó thì hưng, trái đi thì vong. Sự hưng vong là dần dần sinh ra thôi".

Xem qua những lời trên đây, ta thấy các Thiền sư thật đã xứng đáng là những nhà cố vấn vững vàng về chính sự. Đó là một bài học chính trị rất đích đáng cho kẻ làm vua một bài học chính trị thâm-

n huân tinh thần Phật Giáo. Như thế dù biết công nghiệp của chú Tăng trong phạm vi chính sự cũng không phải là nhỏ.

SỰ NGHIỆP XÃ HỘI

Phần nhiều các chùa đời Lý đều có ruộng và tiền của riêng: Tài sản ấy là lộc để cứu cấp những dân cùng khổ và những năm mất mùa. Cửa chùa là cửa rộng, có thể dung được những người hoạn nạn, những kẻ lỡ đường. Sách Thuyền Uyên Tập Anh có chép rằng nhà vua và các tín chủ giàu có thường cúng - dường của cải để cho chú tăng bố thí lại cho người nghèo hay làm những việc cứu trợ công đức khác. Thiên môn thường mở ra những pháp hội, trong mấy ngày đêm, chẩn tế, bố thí dân nghèo đói, xin giảm án và ân xá cho các tội phạm.

Các thiền sư cũng tinh thâm y học, phát minh và chế nhiều phương thuốc để cứu cấp cho quần chúng, đồng thời cũng làm phương tiện truyền đạo. Sách xưa ghi lại những Thiền sư có tài y học như Nguyên-Minh Không, Đạo Huệ...

Tinh thần Đạo Phật, Giáo lý tư bi trí tuệ và những từ-tướng cứu thế của Phật Giáo đã ảnh hưởng rất sâu đậm trên phong tục văn hóa nước ta về triều Lý. Phong tục của triều - đình thuần hậu hơn nhiều so với Đinh và Lê. Những cực hình dùng hằng ngày như những - thói giết chóc của các vua Đinh và Lê chứng tỏ rằng sự tàn ác dã man rùng rú của họ vẫn còn nhiều. Sự tàn nhẫn, phạm phu đó lại còn điều khiển hành vi của những kẻ nắm quyền: việc đồ Thích

giết cha con Đinh Tiên Hoàng việc Ngọa Triều giết anh là Lê Trung Tôn đủ chứng minh điều đó.

Những sang đến đời Lý thì khác hẳn. "Tuy rằng trong các vụ hành quân ở Chiêm hạ y danh Tông có giết hại nhiều người, tuy rằng khi có loạn trọng nước, vẫn có gia tội tử hình, nhưng ta phải nhận rằng, chúa có đời nào, như ở đời Lý, mà vua có độ - lượng khoan hồng đối với dân hay là đối với kẻ địch. Lý Thái Tông đã tha tội cho Nùng Trí Cao, Lý Thánh Tôn đã tha chết anh vua Chăm là Chế Củ. Tuy rằng đó là có lợi cho đường chính trị, nhưng nếu không có sẵn tư tâm, thì ắt không nghĩ tới sự khoan hồng đã làm lợi cho chính trị mình".

(Hoàng Xuân Hãn: Lý Thường - Kiệt - trang 407)

Lượng khoan hồng ấy, mỗi từ tâm ấy chính là nhớ ơn - lượng giáo hoá của Đạo Phật. Sách Đại Việt Sử Ký còn chép lại những cử chỉ đáng kính của các vua Lý. Mùa Đông năm 1055, trời gió rét, Lý Thánh Tông nói với các quan: " Ta ở trong cung kín, sưởi lò - than, mặc áo ấm mà còn rét thế này, huống chi những kẻ tù nhân chịu trời buốt khổ sở trong lao ngục, ăn không đầy bụng, mặc không che thân vì gió rét, nên có kẻ chết không nơi nương tựa. Ta thật lấy làm thương". Nói rồi vua sai phát chẩn chiếu cho tù, và cấp cho mỗi ngày hai bữa cơm ăn.

Một hôm, vua Thánh Tông chỉ Động Thiên công chúa mà nói với các quan: "Lòng Trăm yêu dân cũng như yêu con trăm đây. Ngặt vì trăm họ ngu dại làm cần nên phải tội, vì vậy bây giờ tội nào cũng nên

giảm bớt đi".

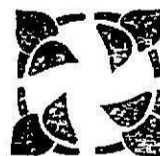
Không phải lòng thương người ấy là một phương tiện giả - dối của nhà chính trị mà chính là kết quả của một lộ - tư bi do Phật Giáo uốn đ - c nên.

Sau các đời vua hưng hãn của triều Đinh Lê, ta thấy xuất hiện những kẻ cầm quyền có độ lượng khoan hồng, những người giúp việc ít tham lam phần bản. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã viết: "Đời Lý có thể gọi là đời thuần tử n h á t trong sử nước ta. Đó chính là nhờ ảnh hưởng Đạo Phật" (Lý Thường Kiệt 409).

KẾT LUẬN

Văn hóa Việt Nam từ triều Lý đã có một cơ sở vững vàng. Cơ sở ấy được tạo dựng nên một phần lớn nhờ đạo Phật - Việt Nam, để rồi càng ngày càng được bồi đắp cho thêm huy hoàng sáng lạn". Chúng ta phải nhận thức rằng Phật Giáo mãi mãi vẫn phải làm một yếu tố bất ly trong công việc xây dựng và bồi đắp nền văn hoá dân tộc. Chúng ta không muốn mất gốc rễ, hãn chúng ta phải kính trọng tới sự bồi đắp nền quốc gia ngày xưa.

NGUYỆT SAN PHẬT GIÁO VIỆT - NAM - Chợ Lớn - số 1 ra ngày 15 tháng 8 Bình Tân (1956)



Ta thấy gì qua các vần thơ của Thiền gia trước trước



-Minh Hạnh-

Cuộc đời lắm khi trình bày trước mắt ta những cảnh tượng thâm sâu. Bao nhiêu xấu xa bị đời của cuộc đời mà ta chúng kiên hằng ngày đã cho chúng ta cái cảm tưởng rằng cuộc đời là cả một nghiệp báo nặng nề đen tối.

Những cảnh sinh lão bệnh tử kia, những cuộc chia ly đau đớn kia, những cuộc tụ họp bất như ý kia cùng với ngàn muôn hình ảnh không tươi sáng khác của cuộc sống như điên đảo, lọc lừa, dối trá, bất công... thực đã làm cho lắm kẻ chán ngán. Nhìn thấy thực trạng cuộc đời, rồi nhìn lại những con người đã ngã say sưa tìm trong đó những lạc thú giả ảo, lắm lúc người ta hình như không còn tha thiết nhiều nữa với sự sống.

Nhưng nếu bình tâm suy xét, ta sẽ thấy rằng toàn - diện cuộc đời không phải hoàn - toàn do ác nghiệp kết tạo.

Nếu có những cảnh máu đổ thịt rơi thì cũng có những cảnh thanh bình tươi đẹp. Nếu có những phút say sưa liêu lĩnh thì cũng có những phút thanh thoát tiêu diêu. Hãy nhìn về phía thiên nhiên màu xanh mát rượi tràn trải đến tận chân trời gây cho ta một cảm giác hỗn nhiên

Một làn mây trắng trôi nhẹ nhàng trên nền trời xanh, một nhánh thủy dương soi mình trong dòng sông trong lặng, một đóa sen trắng tinh - tỏa hương thanh khiết... ta có thể tưởng rằng những hình ảnh đẹp như thế kia lại có thể là do ác nghiệp xấu xa mà có được hay không?

Chư pháp từng bản lai,
Thường tự tịch diệt tướng;
Xuân đảo bách hoa khai
Hoàng Danh để liễu thượng...

Các hiện tượng vũ trụ cùng tất cả những loài hữu - hình và vô hình mà ta trông thấy vốn tồn tại trong bản tính thanh tịnh và vắng lặng của mình: Đó là pháp thân bất diệt. Điều dụng của pháp thân màu nhiệm vô cùng. Một mùa xuân với ngàn hoa đua nở, với chiếc oanh vàng ca trên liễu thắm: đó là gì nếu không phải là những biểu hiệu màu nhiệm của pháp thân?

Bài kệ trên trong kinh Hoa Nghiêm đã được tạm dịch như sau:

Vạn pháp từ ngàn xưa
Bản thân thường vắng lặng:
Xuân đến trăm hoa mừng
Danh vàng ca liễu thắm.

Vậy ác nghiệp của chúng sanh không phải là một cái gì xa xăm với bản thể thanh tịnh. Các hiện tượng của vũ - trụ thiên nhiên kia được tổ chức hoàn bị như là những công - trình thiện xảo của một đấng tạo hóa nào. Nhưng không, những kết tinh phẩm tuyệt kỹ đó chỉ là những tướng trạng bên ngoài biểu lộ cho một pháp - thân màu nhiệm. Ác nghiệp của chúng sanh đã che lấp mặt t chân tướng của pháp thân mà không tiêu diệt được pháp - thân. Qua nhận thức hèn kém và mù mờ của một chúng sanh mê muội, ta cũng có thể thoáng -

thấy những biểu hiệu mà nhiệm đó của pháp thân bất diệt. Một nhánh liễu, một đóa hồng, đó là hình bóng của pháp thân:

Chim kêu, oanh gọi, xuân còn mãi
Liễu lục hoa hồng lộ pháp thân.

Câu thơ kia của Cổ - Phong Trần quả có thể có giá trị đại diện cho quan niệm về thơ của những nhà thi - sĩ ngày xưa trong thiền học.

Nhà tu không phải là một người phải diệt tất cả năng khiếu về mỹ cảm. Mỹ cảm của nhà tu chỉ hướng đến một chiều: chiều hướng thiện và thần hoá.

Tâm thân của một nhà Thiền học không được rung động trước những thanh sắc diễm tả đau buồn, tham vọng, những thanh sắc kết hợp theo đà thúc giục của chiều ướng c muốn. Nhưng nhà tu có thể để tâm hồn rung động trước những thanh sắc nào kết hợp theo đà hướng thượng thanh cao. Một vài nét chấm phá thân diêu đưa người đến một tư tưởng cao siêu. Vài nét nhạc thanh thoát hồn nhiên đưa người trở vào đời sống nội tâm phong phú. Những niềm vui thanh thoát không gợn tí lo buồn sợ. Những giờ phút thưởng thức an nhiên, không sợ cái đẹp tan biến theo cuộc vô thường. Và lòng tư bi, trí giác ngộ táng dần theo sự phát triển không ngừng của nguồn mỹ cảm.

Vậy trước tiên, nhà tu phải là một nghệ sĩ, với một tâm hồn biệt yêu mến, những cảm xúc, biết thưởng thức. Những yêu mến, những cảm xúc và những thưởng thức kia, đặt trên hướng đường cảm hóa và dưới sự kiểm soát của trí

trí tuệ diệt dục, càng ngày càng được tinh vi, thanh thoát, càng ngày càng được gần với cái chân Mỹ chân Thiện. Kẻ phàm phu chỉ thấy được cái đẹp tầm thường giả bô qua ánh đèn "nêông" của một hý trường nặng mùi dục vọng, không thấy cái đẹp thanh thoát của một đám mây bay, một nhành liễu rũ. Nhà nghệ sĩ chân chính biết đi tìm Chân Thiện Mỹ đã quyết dành đoạn ly khai với cái đẹp thấp hèn. Biết thưởng thức cảnh đẹp trong "kho vô tận của thiên nhiên" âu cũng là bước đầu của sự thưởng thức cái đẹp bất biên của Pháp-thân mà nhiệm. Những cảnh "liễu lục hoa hồng" kia là bóng dáng của Pháp thân, dưới con mắt chúng sanh, cũng phát sinh rồi tàn hoại như muôn ngàn hiện tượng khác. Nhưng sinh diệt biến hoại phải chấp g chỉ là giả tướng, do nghiệp lực của chúng ta biến hiện mà thôi.

"Kho trời chung mà vô tận của mình riêng"; biết thưởng thức cái đẹp của trăng nước gió mây, biết rằng muôn ngàn cảnh đẹp cứ tiếp nối diễn qua một cách vô cùng, âu đó cũng đã lãnh thức được cái bất biên nằm trong biến chuyển. Đừng có cho rằng một cảnh đẹp qua, một cảnh đẹp mất. Ở đâu và thời nào lại chẳng có cảnh đẹp; chỉ vì mắt ta lòa trong bụi trần dục vọng mê chấp nên không thấy mà thôi.

Mãn-Giác thiên sư đời Lý đã ca tụng tính chất bất biên ấy của cái đẹp pháp thân:

Xuân khứ, bách hoa lạc
Xuân đáo, bách hoa khai
Sự trực nhãn tiền quá
Lão từng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc DANH HẠT CHIMAI

Xuân đi thì trăm hoa rụng.
Xuân tới, trăm hoa đua nở:
việc đối

qua trước mắt mau chóng và trên đầu, tóc da bạc dần, nhưng đừng thấy xuân tàn mà bảo rằng hoa rụng hết. Bởi vì mùa nào lại chẳng có hoa? Đành rằng mùa xuân có hoa đào phôi sắc thắm. Nhưng mùa hạ, đã có sen nở đầy hồ, rồi thì "sen tàn cúc lại nở hoa" mùa thu đến trong sắc vàng của hoàng hoa duyên dáng. Cho đến, trong một ngày mùa gió của mùa đông lạnh lẽo, mà trước sân, cũng có một nhành mai nở trong gió lạnh mùa đông là gì nếu không phải là một hình bóng tượng trưng cho cái đẹp của Pháp thân bất diệt?

Xuân trời, trăm hoa rụng,
Xuân tới, trăm hoa cười,
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi,

Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước một nhành mai
Vệ một nhà nghệ sĩ chân chính là một nhà nghệ sĩ biết rồi cái đẹp Pháp thân. Cái đẹp ấy, qua một kẻ phàm phu, là những điệu dụng trăm màu nghìn sắc: đó là phong hoa tuyết nguyệt, đó là trạng thái an-tĩnh vô lự của tâm hồn. Phải nương vào những hình bóng ấy của Pháp thân. Khả năng mỹ cảm càng cao, sự thưởng thức càng xa mức thô lậu tham lam của thưởng tinh. Phàm phu chỉ ưa muốn một hình bóng đẹp và ước muốn "có mãi" hình bóng đẹp ấy. Nhưng làm sao để "có mãi" nó được trong khi cái bóng đẹp ấy và cả chính mình cũng chỉ là những cá thể luôn luôn chuyển biến. Cái đẹp của Pháp thân tràn khắp mọi không gian

không gian, đem cái tham lam của một bản ngã nhỏ nhen để nhận đôn thì làm sao mà thưởng thức cho được?

Thế cho nên, trong ước vọng thưởng thức cái đẹp của chân tướng vũ trụ, của bản thể, các nhà thiên học phải tinh luyện để có một khả năng mỹ cảm tuyệt luân. Khả năng mỹ cảm này có thể gọi là một thứ Bát nhã trí với năng lực vô song của nó. Để có được khả năng mỹ cảm này, nhà thiên học cần phải có một nhãn quan đặc biệt nhìn bao nhiêu cảnh sinh trụ di diệt của cuộc đời với một tâm trạng bình thản, với một tâm hồn không xao động vì dục lạc hèn.

Ngài Trúc-Lâm tức là Thiền sư Giác Hoàng, vị thiền sư Việt-Nam triều Trần chắc hẳn đã nhận được cái đẹp vô biên của bản thể khi hạ bút:

Niên thiếu hà tắng hiếu sắc không,

Nhật xuân tâm sự bách hoa trung
Như kim khám phá Đông Hoàng điện,

Thiên bản bồ đoàn khán trụ hồng.

Khi còn niên thiếu chưa thấu đạt được lẽ có không, ta chỉ nhìn thấy xuân, say đắm xuân qua trăm hoa đua nở. Nay đã thấy được bản lai diện mục của chúa xuân, ta đã có thể an nhiên ngồi trên thuyền tọa mà nhìn từng cánh hoa rơi rụng dưới thêm".

Niên thiếu chưa tắng lẽ có
Ngày xuân hoa nở rộn tở lòng
Chúa xuân nay đã thành quen biết

Thiên tọa an nhiên ngắm bóng hồng.

Sự nhận thức về cái đẹp hẳn đã có khác người lấm lấm.

Nhưng cái đẹp bất diệt kia không phải dễ dàng mà cảm tới được. Phải nhìn qua hiện tượng, sâu vào bản thể. Bản thể này lại là một cái gì rất khó đạt đến, nhưng khi đạt đến, thì cái đẹp hiện ra ở mọi hình thức của cuộc đời. Ta hãy nghe Ngô-Ấn thì ền sư triều Lý.

Diệu tính hư vô bát k h ả
phân

Hư vô tâm ngộ đắc, hà nan?
Ngọc phân sơn thượng, sắc
thường nhuận,
Liên phát lộ trung, thấp vị
can.

Bản tính ấy rất khó. Nhưng
khi đã chứng ngộ được rồi
thì nó hiển-hiện bất diệt
nó là hòn ngọc bị thiếu
trên núi mà sắc vẫn tươi,
nó là hoa sen nở trong l ờ
lửa mà vẫn không khô héo:
Chân như bản tánh khó vin
nơi

Chứng ngộ công phu rộng
dài
Trên núi, ngọc thiếu, màu
vẫn nhuận,
Trong lò sen nở sắc thường
tươi.

Một khi ta đã chứng ngộ
được bản thể thì bất cứ một
hiện tượng nào cũng p h ở
diễn bản thể cả. Thiên Lão
pháp-sư đối Lý cũng đã hạ
hai câu tuyệt bút :

Túy trúc hoàng hoaphingoi
cảnh

Bạch vân minh nguyệt hiện
toàn chân.

Thấy Mặt Thế dịch như sau:
Trúc biếc hoàng hoa phi
ngoại cảnh

Trắng trong, mây bạc hiện
toàn chân,

Cái đẹp bất diệt ấy, Hương
Hải thiên sư - một vị thiên
sư Việt-Nam dưới thời Nam
Bắc phân tranh - thấy ở :

Song chiếu nguyệt đ á o
thuyền sàng mật,
Tùng tiêu phong xuy tĩnh
khách miên.

Sắc ửng lâu đài minh sắc
diệu,
Thanh truyền chung cổdiễn
thanh huyền,
Dịch :

Trắng dờm song mở giường
kê sát
Gió thổi từng reo giắcngủ
yên.

Lóng lánh lâu đài màuhuyền-
diệu,

Nhịp nhàng chuông trốngtiếng
u huyền.

Nhận thức sâu xa về bản lai
diện mục của cái đẹp, Thiên
sư viết:

Nhận quá tưởng không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhập vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.

Dịch:

Nhận liền giữa không:
Bóng chìm dưới nước,
Nhập không để dấu ở lại.

Nước chẳng lưu bóng làm chi
Vĩ thể, đạt đến cái đẹpthường
trú của chân tâm, của Bản -
thể, nhà nghệ sĩ không diễn
tả được ở lời nói. Gọi những
bài thơ, kỳ thực là những bài
kệ, "những ngón tay chỉ" mặt
trắng" để ghi lại dấu vết của
sự chứng ngộ. Thanh t h óat
biết bao nhiêu, khi tâm ta
đạt đến cái đẹp tuyệt vời
không thể nói năng, không
thể diễn đạt, chỉ có mình tự
hiếu. Thiên sư Trúc Lâm đời
Trần đã diễn tả ý này trong
bài Xuân cảnh:

Đường liễu hoa thâm điềungự
trì,

Hoa đường thắm ảnh mộ vân
phi.

Khách lai, bát vân nhân gian
sự,
chỉ bằng lan can khán thúy -
vi.

Trong khi bông liễu nở đầy,
tiếng chim chập rái, trước-
bóng thêm hoa mây chiếu-
đường bay vờ vẩn, bông có một
người khách đến chơi. Ông -
khách này đến mà không hề
hỏi han, nói năng chỉ tựa
lan can mà ngắm trời xanh
biếc...bao nhiêu sự đ đ i
không đáng nói, và lại, việc
đáng nói thì không nói được
rồi!

Chim hót về già, liễu tả tới

Thêm hoa mây phủ, bóng n h ả
dài.

Khách vào, chẳng hỏi niê m
nhân sự

Tựa bức lan can, chẳng ngắm trời.
Cho nên, nhà thiên học phải
là một chân nghệ sĩ, và trên
bước đường nghệ thuật, cần
có một nghị lực và những cố
gắng không ngừng...

PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Nguyệt San số 4 ra
ngày 15-11 Bính Thân
(1950) trang 15-21



tiếp theo trang 23

thiết đãi tân khách.

Thuyết này thuộc hoang đường

Theo sách Vân-đài-loại-ngữ,
phần những nơi có lam chướng
tất nhiên có sinh những loài
cây cỏ trừ khi độc. Lời nói
này đúng thay!

Nước Nam ta ó vào vùng ôn-
đới có nhiều lam chướng, cho
nên nhiều cây quế, cây gừng,
cây cau, đều là những loài
cây trừ được khí độc. C h o
nên người ở vùng ôn đới phải
nhiều đều dùng, còn người ở
hàn-đới thì ít dùng những-
loài cây ấy, thật không như
thuyết không chính đáng trg
đã sử.



Kính Mời Quý vị Phật Tử
xa gần thường thức món chả
chay đặc biệt, do Ban Hộ Trì
Tam Bảo chùa Viên Giác thực
hiện (mỗi đòn khoảng 500gr.
giá 10DM chưa kể cước p h i
Xin 1/1 về chùa. *Diệu An*



THIÊN HỌC

(Đại Lão Thiên Sư YOSHIOKA-TOICHI soạn. Nguyên tácZEN-Thích Nhứt Điện dịch từ Nhật sang Việt ngữ)

(tiếp theo Đắc San Viên Giác số 5, 6 bộ cũ)

THIÊN SINH:

Thiên giống như một trái bôm nõ yên lặng. Đã có nhiều người câu cứ Thiên như là một trạng thái tinh thần. Có nhiều người đã tìm đến Đạo Tràng của nhiều nơi để ngồi Thiên.

Thiên không phải chỉ những người Nhật mới quan tâm mà một phần nữa xã hội Âu Châu cũng như Mỹ Châu đã tìm đến những Đạo Tràng của Nhật để ngồi Thiên. Họ thực hành việc ăn uống cực khổ, quét tuyết, cũng như chịu khổ trong lúc ngồi Thiên v.v...

Ở tại chùa Tông Trĩ Yokohama, các đoàn thể du - lịch của ngoại quốc cũng đến ngồi Thiên. Chùa với một diện tích rộng 150.000m² cây cối mát mẻ những Thiên sinh, trong pháp phục màu đen, bước đi - trong dáng điệu trầm lặng đã làm cho nhiều người thần phục.

Chùa Tông Trĩ cũng có khóa Thiên riêng cho cử sĩ tại gia. Tính tổng số trung bình cứ 4 tháng là có khoảng 3000 người đến tham Thiên.

Thiên Đỗng là nơi để người ta ngồi Thiên và kèm chế bớt dục vọng. Không có phân biệt địa vị hay sang hèn mà ai

này cũng phải chịu cực khổ về thể xác. Đây thuộc về sự sinh hoạt nguyên thể của bản thân và muốn tìm cầu bản tâm an định thì đó là những sự thật hiển nhiên mà một Thiên sinh phải thực hành vậy. Dầu giải thích thế nào đi chăng nữa chuyện trăn cũng khó hiểu.

Có những Đạo Tràng sau khi Thiên sinh tham gia ngồi Thiên một hoặc hai buổi tối mặc dầu chân bị đau đớn, nhưng theo kết quả cho thấy thì gần 92% là muốn ngồi Thiên trở lại. Dầu cho chân có bị đau đi chăng nữa, nhẽ háy gắng một lần thì sẽ đau đớn ấy lại mất đi. Đó là lý luận có tinh chất mị lực của sự ngồi Thiên.

Những Thiên sinh đã đi đến trước cửa Thiên đỗng, thì có nhiều sự kỳ vọng ở cá nhân. Điều này theo sự giải thích của Thiên tông, thì không phải là một điếm sai.

Những sự giáo dục học đỗng của xã hội hiện tại, tạo cho con người mang một khái niệm trừu tượng, nhưng không làm sao giải đáp được chuy chuyện khổ não của con người cả. Hơn thế nữa trong xã hội hiện đại được tổ chức theo cơ cấu tập đoàn, nên có nhiều phần tử cá nhân bị bỏ rơi ngoài tập thể. Đó đó cho nên con người sinh ra nhiều sự khổ não.

Có nhiều trung tâm nghiên cứu cho biết rằng: "Trong xã hội hiện đại có nhiều chuy

bất an liên quan đến những việc làm của cá nhân". Đối với việc này, người Nhật Bản trong hiện tại dẫu cho cá nhân hay đoàn thể cảm thấy chuyện bất an càng ngày càng gia tăng. 76% cảm thấy tương lai bất an. Gần 60% sống không có mục tiêu. Đó là kết quả của sự điều tra. Đối với người có tinh thần vững mạnh thì cảm thấy đời sống an định và hằng ngày sống qua những giây phút thoải mái nhẹ nhàng.

Tại sao lại có những chuyện này? hoặc tự hỏi phải làm sao cho hợp lệ cũng chính là những chỗ thắc mắc này đã có nhiều người tự hỏi chính mình và đi tìm học Thiên để được cõi mở.

Mỗi người đều có cá tính khác nhau, nhưng không ai là không có sự khổ. Cũng có sự chững đờ trong sự sống khổ não, nhưng sự khổ ngộ đó nó không như mình nghĩ rằng nó thường có trong đời sống hằng ngày, mà sự nghi ngờ phát xuất từ sự ham muốn của chính mình. Cũng có lắm điều chính mình nghĩ và thực hành theo ý muốn được, nhưng cũng có lắm điều nghĩ mà trong thế giới đã có biết bao nhiêu chuyện không thành.

Cũng có nhiều người có sự trôn sự khổ não, nhưng nếu can đảm đứng hướng mặt về sự khổ thì cuối cùng sự khổ này cũng tan biến. Đó là của ngộ vào Đạo Thiên vậy. Thiên là một thạng thuốc hay để chữa bệnh, gây, làm cho sự trôn trở nên trong sáng.

Nhiều người bị mệt mỏi về sự khổ não, do đó cho nên tự chán chính mình. Lúc đứng trước gương mà cũng không nhận ra mình là ai nữa. Khi còn mạnh khỏe tất cả mọi

việc thuận chiều thì yên tâm, những khi thân thể không ở trạng thái điều hòa, công việc không song suốt, tình yêu bị dở dang v.v. thì sinh rathất vọng chân chđồng.

Thế những cũng tùy theo lúc, tùy theo sự thật bại của tình yêu mà thấy lại ở chính mình cũng có

Yêu đương là chính ở mình lại thiếu chuyện đó, nên mỗi đi tìm cầu ở kẻ khác, thông đồng với người yêu, những đến một lúc nào đó khi người yêu không còn yêu mình nữa thì tâm lộng nhiệt tịnh của kẻ yêu đương cũng bị tuyệt vọng và sinh ra chuyện bất an, bất tín. Dầu cho hạnh phúc có mang đến trước mắt cũng không dám nhân lãnh ánh sáng ấy nữa, vì thủng tích yêu đương ngày xưa còn nặng quá và một lần nữa chính mình lại không muốn nhìn mất mình.

Tùy theo người đối diện mà được lòng ta, nhưng nếu tùy theo lòng, của kẻ khác thì không phải là cái chọn thật của ta vậy. Khi mà muốn cầu cứu thì đừng nên cầu bên ngoài mà hãy tìm cầu ở nơi ta, lúc đó Thiên là nơi phát xuất vậy.

THIÊN LÀ PHẢI THẤY CHỖN THẬT CÁI PHẬT TÁNH CỦA MINH.

TÂM HỒN YÊN TĨNH

Người Tham thiên nên có trog tay quyển "Phổ khuyến toaThiền nghi" của Ngài Đạo Nguyên. Trong đó có chỉ phương, pháp tọa Thiền, chỉ cách thức điều chỉnh thân tâm và câu đề tựa của cuốn sách trên có viết như sau "muôn người Thiên phải ngồi nơi yên lặng". Khi ngồi Thiên nên cố gắng tìm nơi yên cho thật vắng vẻ. Có một vài Đạo tràng có dán

bảng yết thị như sau:

"TÂM HỒN YÊN LẶNG"

Trong khung cảnh tịch tịnh, cố sự tiếp tục trường cửu vĩnh viễn của sức lực. Cái đó là tâm hồn yên tĩnh vậy.

Điều đó chính thân mình ngồi và chính mình thấy được mình và tâm hồn của con người là chỗ đó.

Tâm hồn yên lặng là, đừng lại mọi động tác để được thanh tịnh. Hãy đem hơi thở ngồi ngay ngắn và yên lặng thủ thì lúc đó, bây giờ là lúc sống thực và ngay mai sống bằng các lực ấy. Đó chính là Thiên Định lực.

Những sự lo âu của thế giới ngày nay càng nhiều. Nào truyền hình, máy phát thanh báo chí... đã cho biết rằng sự khổ não của con người còn tăng cao hơn nạn Đại - Hồng Thủy. Hồn thể nữa, nếu càng ngày mà các điều nguy hại của thế giới bên ngoài không có quan tâm đến thì chả khác nào chúng ta đầu hàng trước trách nhiệm. Cũng từ những chỗ khủng hoảng đó mà con người tìm về với chính mình, với chính nội tâm của mình, và bắt đầu từ đó cái tâm thanh tịnh, trong sạch lại được tái sanh.

Sự khủng hoảng, sợ hãi càng ngày càng gia tăng thì con người càng ngày càng, muốn tâm mình được giữ ở mức quân bình và phải được sống trong một thế giới an ổn. Ở trong sự động loạn người ta thường tìm đến sự thanh tịnh, không phải là việc ấy bây giờ mới có mà, trong quyển "Thái can thao" nói về

Thiền có viết:

"Tĩnh mà ở trong tĩnh thì không gọi là chỗn tĩnh. Ở trong sự động loạn mà bản - tánh tự thân được hiện bày, ấy mới gọi là tĩnh. Cái sung sướng trong sự sung sướng, không phải là niềm sung sướng, chỗn thật, mà ở trong sự khổ chính ta và tâm ta biết được cái ấy, đó là sự vui chân - chính".

Quyển sách trên là một quyển sách viết về Thiền của Trung Hoa vào đời nhà Minh do Hồng Tú Thành biên soạn. Đó cũng là một quyển sách trị bệnh về tâm lý của con người. Nhật Bản từ xưa cũng đã có những sách nói về chuyện này, như cách đây 400 năm có nhiều sử vui thích tìm hiểu về chuyện "tâm thanh tịnh" như trên. Nếu nói thời đại nhà Minh là một thời - đại ít có về sự khổ, nên mới phát sinh ra những chuyện ở trên và cho đến ngày nay người ta vẫn lay đó làm tiếm cổ bản để bàn tĩnh về sự khủng hoảng của thời đại.

Nếu ý nghĩ "Tĩnh" có trọng ta thì đương nhiên đối với cái này có ý nghĩa "Động" được phát sanh. Người Thiên là sự thông nhất ý nghĩ về Tĩnh cũng như về Động, phải tập - trung tĩnh thân, tư tưởng. Bởi thế cho nên sự thông - nhất và sự tập trung tư - tưởng là những sự chướng ngại đối với việc ngăn ngừa ngoại, giới mà chúng ta phải làm, để tìm đến điều kiện yên tĩnh.

Đừng là khi ta ở nơi yên tĩnh thì tâm ta lặng đi xuống, thế những mà sự - vọng chưa phải là đã dứt hẳn đi, gia thủ như có mặt đi được, trong một thời gian ngăn ngại nào đó, khi trở lại

với thể giới động loạn thì sự mê vọng kia ưu tiên trở lại trước với chúng ta. Đó không phải là sự thanh tịnh chơn chính vậy. Việc Tĩnh - kia được phát xuất từ việc ngồi Thiền, nhưng đó không phải là điểm tối thắng vậy.

Cảnh giới thanh tịnh chơn thật là trong đời sống hầu hần của chúng ta, chúng ta không thể chạy trốn nó, mà 3 cõi trong quả khul, hiện - tại và vị lai trong đồng đều có tịnh và Tĩnh, cũng như đồng là một thể "Nhất như" chứ không hai.

Tâm hồn thanh tịnh là tâm hồn không phải chịu độn độc được yên lặng đối với sự khủng hoảng của thế giới bên ngoài, mà cũng không phải là nguyên nhân khởi ra sự động loạn của đời sống. Nếu mà biết được sự động tịnh này chỉ là một, thì ở ngoài cũng không bị mê mà tịnh, cũng không bị lầm. Một thể giới mới vô hạn sẽ được xuất hiện.

Vào khoảng thế kỷ thứ 9 Ngài Nan Tuyền người Trung Hoa đã nói chuyện với Ngài Triệu Châu, còn ghi lại trong quyển "Vô môn quan" như sau:

Chỉnh Triệu Châu là đệ tử của Nan Tuyền và cô, lúc Nan Tuyền đã nói với Triệu Châu: "Nếu mà đạt được cái Đạo chơn thật không còn chổ nghi ngờ nữa, thì tròn đầy như mặt trời và không còn chổ có không nữa". Lúc Nan Tuyền nói điều đó thì Triệu Châu ngộ được Đạo Thiên.

Cảnh địa của Thiên nó lại giống như một sự "KHÔNG" rộng lớn mà không có đấng là gì. Dùng lời nói hay, bằng văn chương không thể nào diễn

tả hết được. Thiên cũng chẳng phải như thế này mà cũng chẳng phải như thế kia. Dầu là những sự thao thức ấy có lẫn quân trong đầu óc chúng ta nữa thì chưa có ai hiểu được Thiên cả.

Đối với kẻ học Thiền, Ngài Đạo Nguyên đã chỉ vẽ trong "học Đạo dung tâm tập" điều thứ nhất là: Phật Đạo là việc tất yếu để đi vào nội hức hành. Dầu cho kẻ ngộ sớm hay người ngộ trễ, dầu cho sự sai biệt có khác nhau đi chăng nữa thì cũng chẳng có gì là thực tiễn hơn điều thứ nhất mà Ngài Đạo Nguyên đã chỉ dạy.

Kỳ sau: TẠI SAO PHẢI NGỒI THIÊN ?

ƯNG HỘ ĐỊNH KỶ:

Đh Tâm Chánh (Paris) năm 81 500DM, Mme Grimaldi (Paris) 1.2, 3/81/250Fr + 50Fr bất thường. PT Nguyễn Bình Dương (Lüner) mỗi tháng 20DM (1+2), Bà Đoàn Thị Thanh Tú (Paris) 6 tháng 300Fr., Cô Đoàn Thị Thuận (Suisse) năm 81 120Fr., Đh Nguyễn Lưu (Paris) 200Fr (1, 2, 3, 4) Bà Thân Trọng Lạc (Paris) 300Fr (6 tháng), Bà Hồ Văn Nguyên - 300Fr (6 tháng), Bà Nguyễn - Danh Đan (Nantaire) 300Fr. (6 tháng), Bà Lê Đình Chung (300 Fr. - 6 tháng), Bà Lý Ngọc Hoa 120Fr. (6 tháng), chị Đặng Thị Soan (Kiel) 120DM (12 tháng), A. Vương Đắc Mẫn (Kiel) 20 DM tháng (1, 2, 3), PT Nguyễn Văn Vân (Hildesheim) 20DM mỗi tháng (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7), Đh Đường Văn Phướng (Essen) 20 mỗi tháng (1, 2) PT Mai Vi Phúc (Dören - trup) 20DM mỗi tháng (1).

IN PHẬT HỌC TỰ ĐIỂN:

Võ Xuân Khôi (München) 500 DM Trưởng Tân Lộc (Hagen) 50DM

ƯNG HỘ BẢO VIÊN GIÁC:

Vô Danh Thị (Nhật Bản) 105 DM

ƯNG HỘ BẤT THƯỜNG:

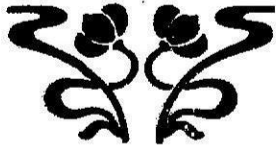
Cô Kim Thêu (Hannover) 50DM, Bà Phúc (Australia) 200đ, cô Viên Linh (Hannover) 20DM, PT Huỳnh Lương (Mönchengladbach) 20DM, PT Phan Văn Tú (Bremen) 30DM, PT Trưởng Tân Lộc (Hagen) 20DM Quý Phát Tử tại Bad Iburg - 340DM, PT Tô Văn Phước (Grafi - ng) 50DM, Cụ Cao Thi Sâm (Spai - chingen) 30DM, Bà Lâm Kim Liên (Recklinghausen) 30DM, Ô. Phạm Ngọc Châu (Frankenthal) 100DM PT Huỳnh Phước Lộc (USA) 50 đô PT Hà Kiên Hưng (Geormarien - hütte) 20DM, Ô. Phạm Đoàn Đường (Mannheim) 50DM, PT Lưu Ngọc - Dân, PT Triệu Thị Bé (Rothenb - urg) 20DM, Cô Antony Helene (Dü sseldorf) 50DM, Bà Hà Thị Định (Celle) 40DM, Hiền + Tuấn (Vaihi - ngen) 20DM, Ô. B. Đặng Văn Sum (Paris) 100Fr., Ô. B. Nguyễn Trug Tường (Paris) 100Fr., Ô. Hoài Văn Ngô (USA) 50 đô, Bà Phạm Thị Nhiều (Mönchengladbach) 50 DM Đh Nguyễn Lưu (Paris) 85, 47DM, PT Phạm Ngọc Sơn (Aachen) 60DM Đh Nguyễn Thị Lợi (USA) 100 DM PT Bùi Nguyễn Phúc (USA) 20 đô PT Tăng Kiên Võ (Norway) 100DM PT Huỳnh Tử (Bad Iburg) 20DM, A. Trương Sĩ Thực (Canada) 30DM PT Đặng Thị Sáu (Düsseldorf) 10DM, Bà Lê Văn Hiệp (Paris) 100Fr., Ô. Lê Đình Hy (Paris) 100Fr., Bà Trần Đình Đệ (Paris) 100Fr., Cô Lai Kim Loan (Paris) 100Fr., Bà Nguyễn Hữu Đào (Pa - ris) 100Fr., Ô. Trần Văn Tâm (Suisse) 10Fr., Ô. Phạm Văn Quang (Suisse) 10Fr., Đh Diệu Hải (Su - isse) 10Fr., Ô. Đặng Văn Thuận - (Suisse) 10Fr., Ô. Bùi Xuân Tùng (Suisse) 10Fr., Ô. Nguyễn Xuân Mai (Suisse) 10Fr., Cô Vũ Thị Ngọc Hoat (Suisse) 10Fr., B. Tr Thị Cấn (Suisse) 10Fr., Cô Trần thị Ngọc Trang (Suisse) 10Fr. Cô Phạm Thị Ny (Suisse) 10Fr. PT Phạm Thị Na (Suisse) 02Fr. Á. Phan Công Tân (Claustahl) 20DM, Bà Nguyễn Thị Long (Rheine) một đôi vòng vàng, 1 chỉ rưỡi và 40DM, cô Lưu Đức Anh (Rheine) 20DM.

còn tiếp

Trang Giáo Lý

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

(tiếp theo Đức San Thiên Giác số 6 bộ cũ)



2. con sư tử trong PHÁP

Đầu đời mặt pháp về thời đức Phật Tỳ-bà-Đi, tại núi Ba-la-Nại có một hòn núi tên là Tiên-Thánh-Sơn. Trong núi thường có các vị Sa môn Bích-Chi-Phật tu hành. Thường thường có các loài cầm thú hay đến gần gũi để nghe thuyết pháp. Có một con sư tử tên là Ki-ên-thệ, lông ánh sắc vàng, sức mạnh địch trên 1.000 con. Mỗi khi rừng lên, thời chim bay phải rớt xuống loài thú thì ẩn núp sợ-hải. Một hôm sư-tử Ki-ên-thệ gặp một vị Sa-môn Bích-Chi Phật rất oai-nghiêm thanh tịnh tâm sanh hoan-hỷ, nên thường ngày đến thân cận nghe tụng kinh thuyết pháp. Lúc bấy giờ có một người thợ săn thấy sư-tử có lông ánh sắc vàng nên muốn mưu giết, lột da dâng Vua để lãnh thưởng. Người thợ săn nghĩ rằng "Con sư-tử này là vua các loài thú, không thể dùng cung tên và sập bẫy hại được, chỉ có cách là giả dạng vị Sa-môn, cho sư-tử nghe quen đến gần, thời lấy tên độc mà bắn". Nghĩ vậy liền cạo đầu, mặc hình vị Sa-môn, vào núi ngồi dưới một gốc cây. Lúc ấy, con sư-tử Ki-ên-thệ thấy vị Sa-môn liền vui mừng đến liền chân quỳ một bên đến gần nghe pháp. Người thợ săn liền dùng tên độc nhắm bắn. Con sư-tử bị trúng tên đau quá rồ ngược lên, muốn nhảy tới vô giết vị Sa-môn giả hiệu kia, nhưng lại nghĩ rằng: "Người này đã mặc áo cà-sa, tức là biểu-hiệu các đức Phật hiện thân trong ba đời: nay sát hại thời không khó gì, nhưng tức là ta đã sát-hại biểu tượng của các đức Phật". Nghĩ vậy, bèn nuốt giận chịu đau. Một lát sau, thuốc độc ngấm dần, đau đớn quá, lại muốn nhảy tới vô nạt người thợ săn; nhưng lại nghĩ rằng: "Nay ta muốn vô giết thời không khó gì, nhưng ta sẽ bị các đức Phật quở trách, và tự tử không khác gì kẻ ác. Người thợ săn độc ác âm mưu hại ta, nếu ta không

nhấn thì có khác gì người ấy. Người tu không nhân thời mê mờ, nhiều loạn tăng trưởng, không được vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Vậy ta quyết không khởi ác tâm". Nghĩ vậy bèn nói bài kệ rằng:

"Nguyện tự bỏ thân mạng
Trọn đời không khởi ác tâm
Hai vị mặc áo hoại sắc
Nguyện tự chịu bỏ thân mạng
Trọn đời không khởi ác tâm
Đổi với các bậc xuất gia"

Nói bài kệ xong, liền ngã xuống chết. Người thợ săn lột da đem dâng Vua. N húng khi Vua nghe xong câu chuyện, thấy rõ ác tâm của người thợ săn, rất cảm động trước lòng trọng Tam bảo của con sư-tử, bèn sai chém người thợ săn, và đem xác con sư-tử làm lễ trà-tỳ thiêu thân, xem như là một vị Sa-môn vậy. Sư-tử Ki-ên-thệ là một tiên-thân của đức Phật Thích-Ca.

Phỏng dịch kinh Đại-phương-tiện Phật bảo oan

QUẢ BÁO LÀM MẸ ĐAU KHỔ

Khi chàng Mê-tra-ca-ny-a-ca đến tu ở trường thành, chàng hỏi mẹ rằng: "Thước trước cha con làm nghề đi buôn trong nước". Sự thật, cha chàng làm nghề hàng hải, đi buôn ngoài biển cả, sau bị chết đắm, bà sợ con theo nghề cha nên phải nói dối. Chàng liền đi buôn và ngày đầu chàng lời được bốn đồng. Chàng đem bốn đồng giao mẹ và thưa rằng: "Mẹ ơi! mẹ hãy lấy số tiền này mà giúp đỡ các vị Sa môn các vị Bà-la-môn, mà giúp người nghèo khổ và các người ẩn xin". Nhưng có người nói với chàng rằng: "Thước xưa ông thân chàng làm nghề bán dầu thơm! Chàng liền thôi đi buôn trong xứ, lập tiệm dầu thơm và bán lời được tám đồng. Chàng giao hẳn số tiền ấy cho mẹ. Sau có người nói ông thân chàng trước khi bán đồ nữ-trang: chàng bèn mở tiệm dầu thơm lập tiệm bán đồ nữ-trang, ngày đầu bán lời được 16 đồng, ngày thứ hai bán lời được 32 đồng. Chàng cũng đưa hết số tiền ấy cho mẹ, nhưng mấy chủ hiệu nữ-trang sợ chàng dành nghề của họ, bèn tới nói với chàng rằng: "Sao chàng lại không làm nghề hàng hải như ông thân chàng, lại đi làm nghề bán đồ nữ-trang như thế này"?

Chàng liền về thưa với mẹ rằng: "Thưa mẹ có phải cha con làm nghề hàng hải phải không? Mẹ cho con theo nghiệp của nhà, đi buôn ngoài bể cả như cha vậy". Bà mẹ

phải thú thật rằng : "Phải, cha contruốc làm nghề hàng hải, nhưng bị nạn chết đắm ngoài bể khơi. Mẹ nay chỉ có một mình con con nỏ nào bỏ mẹ cô độc ra ngoài bể cả sao" ? Nhưng chàng không nghĩ đến nỗi đau khổ của người mẹ, sai người đánh chuông rao trong thành Ba-la-nại rằng : " N ấ y các thương gia đáng tôn kính ! Chàng Métracanyaca sắp đi buôn xa. Vậy ai muốn đem hàng ra hải ngoại bán thì cứ dichung với người, khỏi phải đóng thuế gì hết ". Chàng ra đi với 500 người lái buôn, có đem theo hàng hóa thú vật rất nhiều. Bà mẹ quá thương con, ôm lấy chân con và khóc rưng rưng : " Con ơi ! con hãy thương mẹ đừng có bỏ mẹ đi ra ngoài bể cả ". Bà hết lời cầu xin, nhưng chàng đã quyết định rồi, nên chàng bước ngang trên đầu mẹ mà đi với các người lái buôn. Bà mẹ khóc mà nói rằng : " Mẹ cầu cho con khỏi bị quả báo đã làm cho mẹ đau khổ và bước qua đầu mẹ ". Chàng ra biển đi buôn, nhưng bị đắm thuyền sau nhớ đeo trên một tấm ván vào ở ư ớc đất liền. Chàng đi đến một thành tên là Ramanaka, liền có bốn nàng tiên đẹp đến chào mỗi rằng : " Chào chàng Métracanyaca đây là đền đài của chúng em, đủ tất cả những sự khoái lạc đ' đời. chàng vào đây chung vui với chúng em ". Chàng ở ở đợ một vài năm hưởng thọ những sự sung sướng về vật chất, tưởng như đã làm một việc công đức nên được ban thưởng sự vui sướng ấy. Sau chàng lấy làm buồn ý bỏ đi xuống miền nam.

Chàng lại gặp thành Sadamaham, ở đợ có tám tiên nữ đứng đón chàng, đẹp để sắc sao hơn mây cô trước, và mỗi chàng vào hưởng những sự khoái lạc trong thành. Chàng ở đợ vài năm, hưởng thọ những sự sung sướng về vật chất, tưởng như đã làm một việc công đức nên được ban thưởng sự vui sướng ấy. Sau chàng thấy mây n ầ n g tiên cản không cho chàng đi về phía nam, chàng lấy làm buồn ý bỏ đi xuống miền nam.

Chàng lại gặp thành Brahmottora. Ở đợ có 32 nàng tiên đứng đón chàng đẹp để sắc

hơn mây cô trước, và mỗi chàng vào hưởng những sự khoái lạc trong thành. Chàng ở đợ một vài năm, hưởng thọ những sự sung sướng về vật chất tưởng như đã làm một việc công đức, nên được ban thưởng sự vui sướng ấy. Sau chàng thấy mây nàng tiên cản không cho chàng đi về phía nam, chàng lấy làm buồn ý bỏ đi xuống miền nam.

Chàng đi về phía nam, chàng càng muốn đi. Đi mãi gặp một cái thành bằng sắt. Chàng vừa bước vào thì cửa thành tự đóng lại. Chàng bước tới, thối gặp một người to lớn trên đầu đội một vành sắt, cháy đỏ, lửa phún sáng ngời. Máu mủ trên đầu chảy tràn xuống miệng người ấy liếm lấy và nuốt luôn.

Chàng hỏi rằng, " nhà người là ai mà bị hành phạt đau khổ dữ dội như vậy. Ng ườ i bị chịu khổ như thế này bao lâu" ? Người ấy đáp : " Tôi là người đã làm cho mẹ đau khổ nên nay phải chịu quả báo đau khổ như thế này. Tôi sẽ chịu khổ báo cho đến khi có một người khác cũng đã tạo nghiệp nhân làm mẹ đau khổ đi ngang đây và thay thế cho tôi !"

Chàng Métracanyaca liền nghĩ rằng : " Chính ta đã làm cho mẹ ta phải khổ và chính sức mạnh của nghiệp nhân đất dẫn ta đến đây. Nay ta phải vui lòng chịu quả báo này. Chàng nghĩ xong, thối vành lửa sắt nóng kia bay qua đội trên đầu chàng. Người kia liền hỏi rằng : " Chàng đã hưởng sự khoái lạc trong bốn cảnh đền đài kia, sao chàng đến đây làm gì ? " Chàng đáp : " Tôi được hưởng hạnh phúc trong bốn cảnh đền đài ấy là vì tôi trước kia đã tạo nghiệp nhân đem số tiền 4 đồng, 16 đồng và 32 đồng dâng chome để làm việc thiện. Tôi phải đến đây là vì trước kia tôi đã làm cho mẹ tôi đau khổ : tôi đã bước ngang trên đầu mẹ tôi để đi ra biển cả, mặc dầu mẹ tôi ôm chân tôi năn nỉ khóc lóc. Chính sức mạnh của nghiệp nhân ấy đưa tôi đến đây. Và tôi phải bắt buộc đội vành lửa này bao lâu ? " Người kia đáp : Chàng phải đội vành lửa này 60 ngàn và 60 lần một trăm năm. Rồi sẽ có người phạm tội như chàng, cũng đã làm cho mẹ phải đau khổ, sẽ đến mà chịu khổ thay cho chàng. Chàng Métracanyaca tuy bị đau khổ vô cùng nhưng lòng tràn đầy lòng thương yêu chúng sanh vô lượng, chàng phát nguyện rằng : " Nay người đi ! tôi xin nguyện đội vành này vì chúng sanh. Tôi nguyện tất cả chúng sanh. Tôi nguyện tất cả chúng sanh không còn ai mạnh tâm làm cho bà mẹ mình phải chịu đau khổ và nếu ai có làm cho nước mắt bà mẹ

tuôn chảy vì mình, thì tôi xin nguyện chịu khổ thế cho người ấy ! "
 Chẳng phát nguyện xong, thời vành lửa rơi khỏi đầu chàng, và bay trên hư không, chộ liền mệnh chung và được sanh lên cõi Trời Đâu Suất.

Phong kinh Avadana Calaka, theo tài liệu trong quyển " Triết lý đạo Phật " của Đoàn Trung Còn .

HIẾU PHẬT. PHÁP. TĂNG



BA QUY Y, SÁU HÒA KINH

A. - PHẬT - PHÁP - TĂNG

ĐỊNH NGHĨA. - Phật Pháp Tăng là ba ngôi quý báu hơn hết không ai có thể sánh bằng.

1) **PHẬT BẢO** - a) định danh : tiếng P hạn là Phật - đà, có ba nghĩa : tự giác : tự mình đã giác ngộ. Giác tha : Giác ngộ cho mọi loài cũng đồng giác như mình : giác hạnh viên mãn : hai công hạnh ấy hoàn toàn viên mãn. Từ trước đến nay, có nhiều vị như vậy như đức Phật A-Di-Đà, đức Phật Dược - Sư, đức Phật Di-Lặc v.v.

b) Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni. Chúng ta gọi Ngài là đức Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật .

c) Tướng tốt của đức Phật : do công hạnh tu tập. Ngài có 32 tướng tốt : trên đầu có nhục kê biểu hiệu trí-huệ hoàn-toàn : thân-thể và trên đầu có hào quang (trítuệ sáng suốt) : hai tai dài (thọ mạng 1 à u dài). Mắt tròn như trăng rằm, khác với gương mặt chúng sanh : hai mắt trong xanh như nước biển; giữa hai chân mày có một sợi dài sáng uyển chuyển như núi Tu-Di : giữa ngực có chữ Vạn : chân tay tròn đầy, da mịn bao bọc : dưới chân có 1.000 xoáy tròn v.v.

d) Đức hạnh trí-huệ của Phật : Đức Phật đã trải năm hạnh tinh-tấn, hy-xã, thanh-tịnh trí -huệ và từ-bi.

Tinh tấn : tu khổ hạnh 6 năm ngồi thiền định 49 ngày dưới cây Bồ-đề, giáo hóa hơn 49 năm, chịu cực khổ đói rét. Trải qua nhiều gian lao cực khổ. Ngài vẫn cố gắng quyết tìm đạo giáo-hóa chúng sanh, không thôi chí.

Hy-xã : hy-sinh quốc thành thế tử tìm đạo cứu chúng sanh không một niệm luyến tiếc. Trải qua các sự gian lao. Ngài vẫn hoan hỷ hành đạo, không một niệm thôi chuyển.

Thanh-tịnh : thân-thể ánh sắc vàng trong trắng như lưu ly. Lời nói chơn-thành đúng

chơn-ly, không nói lời độc ác, nói dối luôn luôn-hợp-nhã êm-dịu. Tâm-hồn ý-nghi thanh -tĩnh không có tham sân si kiêu mạn.

Trí huệ : Trí-huệ của đức Phật hoàn-toàn, hiểu biết cùng khắp thông suốt, hiểu thấu căn cơ chúng sanh, rõ biết vạn-vật.

Từ-bi : Đức Phật có lòng từ-bi vô lượng , thường xót cứu độ cho tất cả chúng-sanh, từ loài người cho đến loài vật, không loài nào là không cứu độ.

2) **PHÁP BẢO**. - a) Định danh : Pháp là lời của đức Phật hoặc các vị Bồ-Tát vâng theo lời Phật mà nói hoặc các vị Tổ-sư làm ra. Lời dạy tuyên dương chơn lý, có thể đưa mọi loài thoát khổ được vui, nên gọi là Pháp bảo là pháp tôn quý nhất đời.

b) Các môn Pháp-Bảo : Pháp-Bảo gồm có tám môn Kinh là lời dạy của đức Phật, của các vị Bồ-Tát vâng theo lời Phật dạy mà nói. Như kinh Lăng-Nghiêm, kinh 49 chương v.v...

Luật . là những giới luật do đức Phật thân chế các hàng xuất gia tại gia tu hành , như năm giới của Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, 10 giới Sa-di, 250 giới cho hàng Tỷ-kheo v.v. Luận : là lời luận bàn về kinh điển của các vị Tổ-sư nói rộng các yếu-nghĩa trong kinh luật cho dễ hiểu như luận Khởi - tín, luận Nhẫn-minh v.v...

c) Đặc tánh của Pháp-bảo ; Quý nhất trên đời : nhờ Pháp-bảo, chúng sanh chúng được chơn lý, trừ khổ, được vui được giải-thoát Đứng sự thật, đúng chơn-ly : Lời Phật dạy, lời các vị Tổ-sư đều đúng với sự Thật, đúng với sự hiểu biết chơn-chánh. Hợp với căn-cơ của mọi loài, mọi người : hợp với trình độ, hợp với tâm tánh của từng người, từng loài.

3) **TĂNG - BẢO** : a) Định danh : Tăng-bảo là một đoàn-thể xuất-gia tu hành theo đạo Phật gồm ít nhất 4 người trở lên, và sống theo sáu pháp hoà-kinh.

b) Đặc tánh Tăng-bảo : quý nhất trên đời, vì là một đoàn thể tập sống đúng như lời Phật dạy, giữ giới luật oai nghi , là gương mẫu cho mọi người, chỉ dạy cho mọi người phương pháp thoát-khổ được vui. Sống thanh-tịnh không có gia đình vợ con, không theo danh lợi, ăn chay đạm bạc, siêng tu khổ hạnh, giữ giới luật Phật dạy. Luôn luôn nghiên cứu kinh điển : người ít học nhiều , suy tìm nghiên cứu để hiểu thấu lời Phật dạy, chứng thật được chơn lý. Làm gương sáng cho mọi người

còn tiếp

thơ

kiếp phù sinh

Then cài cửa đuổi mưa đêm
 Ngủi cơ khò gọi bên thềm phố hoang
 sồn xiêm áo cổ họ khăn
 nạt tuồm chấn chiếu cầu mang ngậm ngủi
 nết cảm trời chông mi xuôi
 xe tang một chuyện chôn vùi phù sinh
 đời bao nhiêu giấc u minh
 thân người đã mới lênh đênh nẻo buồn
 mưa gào tối ngổ hẻo hơ
 ngổ ra âm thể mưa còn thể lỏng
 người cơ chết lạnh bên đường.

— Nguyễn Hồng Kỳ —

trăng đêm

Trăm năm trăng vẫn một màu
 Tình người đâu để được nào như trăng
 Dù cho bao áng mây giăng
 Chia ly mấy độ nhớ trăng trăng về
 Trăng cùng ta chẳng nguyện thề
 Mà sao trăng vẫn ven bề thủy chung
 Hỏi trăng trăng cớ tỏ cùng?
 Nhìn trăng ta vẫn nhớ nhung nam nào
 Quê nhà gặp cảnh binh đao
 Nhân dân đời khổ biết sao bây giờ
 Thôi đành ta với trăng thơ
 Đêm đêm ta đợi tạ chỗ trăng lên
 Gân trăng mới biết trăng bên
 Gân người mới biết người bên thua trăng
 Bao nhiêu hộ hẹn lãng xẹt
 Giờ đây còn chỉ tình trăng với mình
 Vĩ như chiếc bóng bên hình
 Ánh trăng còn đó có mình ngồi đây
 Tình đời dưỡng thế áng mây
 Khi tan khi hợp khi đầy khi vơi
 Vô thường quá thật như lời
 Phật xưa đã dạy để đời gẫm suy
 Hỏi người cớ trí cùng tri
 Mặc tình thế sự có chi vui buồn.

— Mai Thủy Ai —

thương tiếc vô vàn

Kính dâng lên Giác-Linh cố Hoà -
 Thượng THÍCH THIÊN AN

Thầy ơi! sao nỗi vô tình
 Tây phưởng nhẹ bóng một mình Thầy đi....
 Nội niềm chưa kịp nội chí
 Trời Tây Thầy vội vã đi hôm nào
 Quê-hướng năm ruột đồng bào
 Hải-ngoại Phật-tử trông vào nơi đâu?
 Nhân gian trông cảnh lửa dầu
 Trông nhớ giáo-pháp nhiệm màu Như Lai
 Cứu-nguy nhân-loại ngày mai
 Thế-gian tài-đức mây ai hờn Thầy
 Nửa đống Thầy vội về Tây
 Hung tin bão đến dạ nầy xôn xao
 Bụi ngùi đê nện cơn đau
 Nền hưởng khăn nguyện dạt-dào lát lay
 Thầy đi! nức nở tử đây
 Bao nhiêu nỗi tiếc đắng cay vào lòng
 Thoát vòng lưới cộng vũ xong
 Định sang năm sẽ đến thăm viếng Thầy
 Những giờ biết tỏ ai đây?
 Phải chăng phân số tôi, Thầy thiếu duyên?
 Hay là thế giới đảo điên
 Giác-linh Thầy sớm về miền Lạc-Bang
 Để tôi ở lại trần gian
 Trả cho xong kiếp gjan nan làm người
 Kiếp người tuổi chẳng mấy mười
 Tranh dành, đạt lợi khóc cười sớm trưa
 Lòng buồn nhớ tiếc say sưa
 Lời kính khăn nguyện tiên đưa cuối cùng.

LOAN

Riêng tặng những ai mang tâm trạng mả
 nước và mang kiếp sống ly hương.

Kỷ niệm 1975

Tổ Quốc chiều nay bỗng thét gầm
 Khỉ thiêng sông núi nổi cuồng phong
 Một lũ cộng quân vừa xuất hiện
 Dân tình tan loạn mất lương tâm
 Thiên đàng hữu lộ vô nhân đạo
 Địa ngục vô môn hữu khách tâm
 Ràng đủ như ai tai, mắt, miệng
 Cũng đành cam chịu điếc, mù, câm

Thích Tuệ Minh

QUỐC SỬ TẠP LỤC

Với mục-dịch bảo-tồn văn-hóa dân-tộc và thiết-thức hơn, với mục-dịch cung-hiến một số tài liệu tham-khảo cho giới học-già khảo-cứu về lịch-sử Việt Nam và nhất là các nhà mô phạm người mình soạn sách Việt-sử cho các con em ở hai-ngoại, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải dưới mục này những tài liệu về Quốc-sử đã sưu-tầm được tại các thư-viện cùng các tư-sách tư-gia ở Âu-Mỹ.

Tài liệu đầu tiên chúng tôi hân-hạnh giới thiệu với quý-vị độc-già là cuốn VIỆT NAM PHONG SỬ của cố học-gia NGUYỄN VĂN MAI theo bản dịch của học-gia TẠ QUANG PHÁT.

— MẮC KHÁCH —

I

RANH GIỚI VIỆT NAM

Vị-tri địa-lý của Việt Nam ở về phía Đông Nam Châu-Á, Đông và Nam giáp nước Lào và nước Cao-Miền, Bắc giáp nước Tàu, liền với các tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây và Vân-Nam,

Đó là nói đại-thể mà thôi, chủ thực ra, ranh-giới của nước ta với các nước láng-giềng, nhất là với Trung-Quốc, do những điều kiện lịch-sử đặc-thù, vẫn chưa được thập phần rõ ràng, dứt khoát.

Trước thời Bắc-thuộc, về đời Thượng - Cổ, quốc-hiệu nước ta là Văn-Lang. Theo cuốn Dư-Địa-Chỉ của Nguyễn-Trãi soạn ra vào khoảng đời vua Thái-Tông nhà Lê (1435), thời "nước ta gây-dựng núi-sông, Đông liền với biển, Tây giáp đất Thục, Nam tới Chiêm Thành, Bắc đến Hồ Động-Đình"...

... "Đức Tiên-quân An-Dương-Vương sinh ra có đức thánh, được chịu phong ở Việt-Nam là tổ của giòng Bách-Việt."....." Vua Hùng-Vương nối đời thống-trị, dựng nước gọi là Văn-Lang; chia trong nước ra làm Giao-Chí, Chu-Điền, Vũ-Ninh, Phúc-Lộc, Việt-Thượng, Ninh-Hải, Dương-Tuyên, Lục-Hải, Vũ-Đình, Hoài-Hoan, Cửu-Chân, Bình-Văn, Tân-Hùng

và Cửu-Đức, gồm tất cả là 15 bộ." (Nguyễn-Trãi, Dư-Địa-Chỉ, bản dịch của Á-Nam, Sài Gòn 1966, chương I, II và III)

Kể đến bộ Đại-Việt Sử-Ký toàn-thứ của Ngô Sĩ Liên soạn xong năm 1479 cũng chép về nước Văn-Lang, đại-khái như cuốn Dư Địa Chỉ của Nguyễn-Trãi.

Điều đáng tiếc là cả Nguyễn-Trãi lẫn Ngô Sĩ-Liên đã không chịu dẫn-dùng các tài liệu tham-khảo về những điều đã chép về đời Hồng-Bàng, khiến cho các sử-giả đời sau chẳng biết dựa vào đâu mà khảo-chính được, nên đôi khi ngộ ý hoài-nghi không tin tưởng. Một chúng có là Lê Quý-Đôn Tiên sinh đã phải nhận xét như sau: "theo ngụ ý, đời Hùng-Vương, trên nối theo đời Hồng-Bàng, văn-tự không hề truyền lại, 15 bộ đất ra lần lộn với những danh-hiệu quận-huyện mới lập ra vào thời nhà Hán, nhà Ngô, đáng nghi là do các nhà Nho đời sau đã lên lấy mồn thật không phải chép đúng sự thật." (Lê Quý Đôn VĂN ĐÁI LOẠI NGỮ, 1773, quyển 3). Kể đến bộ Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục (1884) không những ngộ ý hoài-nghi, mà lại ra mặt công kích là khác. Dưới đây xin trích dẫn một đoạn: "Từ đời nhà Trần và nhà Lê về trước, cương vực (của nước ta) phía Đệ giáp biển, phía Tây giáp Vân-Nam, phía Nam giáp Chiêm-Thành, phía Bắc giáp Quảng-Tây phía đông bắc giáp Quảng-Đông, phía Tây Nam giáp Lão-Qua. Tham khảo sách Thiên-Hạ Quân Quốc và các sách địa-dú thì thấy chép: "An

Nam phía đông đến biển, phía tây đến V ã n Nam, Lão-qua, phía Nam đến Chiêm-Thành phía bắc đến Quảng-tây" thì đại-lược cũng giống nhau.

Đến Quốc-triều ta, Liệt-thánh, mở cơ đồ ở miền Nam, rồi đến Thế-tổ Cao-hoàng-dê ta, đại định cương vực, gồm cả toàn-thể nước Việt, phía đông liên biển, phía Tây t i ếp Vân-Nam, phía Nam giáp Cao-Man, phía b ắ c tiếp Lương Quảng, tâm rộng lớn của bờ-cõi, trước đó chưa bao giờ được như vậy, nhưng vẫn cách Động-Đình và Ba-Thục xa lắm, mà sử cũ (tức Đại-Việt Sử-ký, toàn-thứ) chép nước Văn-Lang, phía tây tiếp Ba-Thục, phía b ắ c đến Động-Đình giáp Lương-Hồ (tức Hồ Nam, Hồ Bắc), thực ra ở phía bắc Bách-Việt, còn Ba-Thục thì bị đất Tuy-diên (nay thuộc V ã n-Nam) ngăn cách hai lãnh-thổ không liên đất nhau được. Sử cũ đã phóng-dại lời nói cũng giống như việc Thục-vương, sau đây, đ ề u thuộc về truyền thuyết hư-không chưa khảo cứu được "Huông hồ muối lăm bộ đ ấ p h ầ n chia đều năm trong đất Giao-Chí và Chu -Diên, không có bộ nào ở phương bắc. Có thể chứng minh là không có sự thật vậy." (K.D. V.S.T.G, C.M., Tiên Biên, Quyển Nhất, từ sách viên Khảo-cổ số IX, Sài Gòn 1965, trang 19-23).

Xem đó ranh-giới Việt-Hoa hiện chưa xác định được rõ ràng về đời Thượng-Cổ. T u y nhiên, căn cứ vào những điều đã chép trong sử-sách của ta về những đất đai mất về các triều-dinh Trung-Quốc, ta có thể quả-quyết nói rằng tuy về phía bắc, nước ta chẳng có được ranh-giới tới tận Động-Đình và gần Ba-Thục nhưng về thời xưa, địa giới phía bắc cũng còn rộng lớn hơn ngày nay k h ấ nhiều. Để minh-chứng điều này, đây là vài sự kiện lịch-sử liên-quan: Về cuối đời Trần, 59 thôn đất Cô-lâu thuộc về Lộc Bình Châu (gồm miền Lạng Sơn) bị Hồ Hán Thương d e m cắt nhượng cho nhà Minh (1405) nay thuộc về đất huyện Tây-Lâm, châu Tây Long Lương, Tú-Phủ, La-phủ, Kim-lạc, Liêu-cát (gần miền Quảng Yên) bị Mạc Đăng Dung cắt lột cho nhà Minh (1540), nay thuộc đất Khâm-châu, tỉnh Quảng Đông, còn sáu châu: Tùng-lăng, Lê-Tuyên, Hoạc Nham Tuy-Phụ, Khiêm-Châu (gần miền Hưng-Hóa) lúc rớt nhà Lê, năm Cảnh Hưng, thứ 41 (1780) bị người Thổ ở huyện Kiên-Thụy xâm-chiếm, chúa Trịnh-Sâm cầu-tha không đòi lại được nay thuộc huyện Kiên-Thụy tỉnh Vân-Nam .

ĐƠN ĐỌC VIÊN GIÁC số 2



Chánh tư duy

Phạm Kim Khánh

Hưng Đạo Vương

Lê Văn Phúc &
Phan Kế Bình

Nàng Thủy Tinh

Khương Thủy

cùng các bài vờ của

Thượng Tọa THÍCH HIỂN CHON, Diệu Ân, Nguyễn Văn Mại, Mạc Khách, Nguyễn Đoàn Cam Lộc, Phạm Hoa & Thái, Đặng Trinh, Hoài Việt



(cf. Nhân văn-dê Đảo Tây-Sa, Nhỏ đến nước cũ của ta của V.D. Bán nguyệt-san Sinh-Lực số 1 ngày 1.11.1956 trang 27). Đó là chưa kể những đất mất khác về thế kỷ 19 như đ ờ hiệp-dinh ngày 26.8.1887 Pháp ký với triều đình nhà Thanh nhượng cho nhà Thanh phần đất có mỏ Tu-long (Tuyên-Quang) và do Hiệp-dinh năm 1896, Pháp lại nhượng cho n h ấ Thanh phần đất ở mé trái sông Thanh-Thuy. Đó lại là chưa kể tới cuộc tranh chấp về 2 quần-đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa cho đến ngày nay vẫn chưa kết liễu.

Tóm lại, địa-giới Việt-Hoa về thời Thượng-Cổ từ đâu đến đâu hiện chưa biết rõ, còn ranh-giới Việt-Hoa như đã được hoạch-dinh ngày nay lại là do hiệp-ước ký-kết giữa nước Pháp và triều-dinh nhà Thanh cuối thế kỷ 19.

Dưới đây, trích lục hai tài-liệu lịch-sử - liên-quan! (1) Việt-Nam Phong-Sử, chương I của Nguyễn Văn Mại, 1914. (2) Ranh Giới Việt Nam của Lê Ngọc Trụ (Đông-Nai Văn-Tập, quyển 8 tháng 9 và 10, 1966, quyển 9, tháng 11 và 12, 1966)

VIỆT NAM PHONG SỬ

NGUYỄN VĂN MAI bản dịch của TẠ QUANG PHÁT



CHƯƠNG I

*Nón cao ai đắp mà cao ?
Sông sâu ai bới ai đào mà
sâu ?*

Thổ phong-sử này thuộc phủ
(1) khen ngợi sông núi nước
ta.

Xét về cương giới, nước Việt
ta ở nghiêng về phía Nam Á
tê-á (Asia), phía nam giáp
nước Cao-Man, phía bắc giáp
tỉnh Quảng-tây tỉnh Vân-Nam
của nhà Thanh Trung-quốc,
phía tây giáp nước Ai-lao,
nước Xiêm-la (2), phía đông
giáp biển cả. Đây nói về
ranh-giới chia vạch giữa
nước ta và các nước láng-
giềng.

Thái-tổ Hoàng-đế triều ta
(Nguyên) khai thác vùng
phương Nam lấy trọn toàn cõi
nước Việt, chia nước ra làm
ba kỳ: Trung-kỳ, Nam-kỳ và
Bắc-kỳ.

Trung-kỳ có 12 tỉnh; Thuận-
hóa làm đất kinh-thành, Quảng
Nam, Quảng-ngãi làm cánh bên
trái, Quảng-trị Quảng-bình
làm cánh bên mặt, Bình-định
Phủ-yên Khánh Hòa Bìnhthuận
là vùng bên trái cách xa kinh
thành, Hà-tĩnh Nghệ-an Thanh
hóa là vùng bên mặt cách xa
kinh-thành.

Nam-kỳ có 6 tỉnh: Gia-định
Biện-hòa Vĩnh-long, Định-
tướng, An-giang và Hà-tiên,
nay đã đổi đặt lại, phía đông

có Bà-ri-a, Biên-hòa, Thủ-dầu-
một, Tây-ninh, Gia-định, Chợ-
lớn, ở giữa có Tân-an, Mỹ-tho
Bên-tre, Trà-vinh, Vĩnh-long,
phía tây có Châu-độc, Long-
xuyên, Cần-thó, Sóc-trăng, Bạc-
liêu, Rach-giá cộng chung được
17 tỉnh.

Bắc-kỳ có 13 tỉnh: Hà-nội Ninh
bình, Nam-định, Hưng-yên, Hải-
dương, Quảng-yên, Bắc-ninh Thái-
nguyên, Lạng-sơn, Cao-bằng, Sơn-
tây, Hưng-hóa, Tuyên-quang, nay
đã đổi đặt lại, phía bắc có
Mông-cái, Lạng-sơn, Cao-bằng
Hà-giang, Lào-cay, Lai-châu Sơn-
la, Yên-bái, Tuyên-hóa, Bắc-can
ở giữa có Hòa-bình, Phú-thọ
Thái-nguyên, Bắc-giang, Quảng-
yên, phía nam có Vinh-yên, Sơn-
tây, Hà-đông, Bắc-ninh, Hải-
dương, Kiến-an, Hưng-yên, Thái-
bình, Nam-định, cộng chung được
25 tỉnh.

Nói về những núi nổi tiếng,
Trung-kỳ có núi Hồng-lĩnh ở
Nghệ-an, núi Hoàng-sơn ở Quảng-
bình, núi Hải-vân ở Quảng-
Nam, núi Đại-lãnh ở Khánh hòa.

Nam-kỳ có núi Bà-sơn ở gia-
định, núi Thân-quy ở Biên hòa
núi Đải-tôn ở An-giang.

Bắc-kỳ có núi Tản-viên ở Sơn
tây, núi Tam-đảo ở Thái nguyên
núi An-tử ở Hải-dương, núi
Đỗ-sơn ở Kiến-an, núi Tam-
diệp ở Ninh-bình.

Đó là những núi có tiếng
nhất.

Nói về sông to, Trung-kỳ có

sông Hương, sông Bồ ở Thừa-
thiên, sông Vinh-điền ở Quảng
Nam, sông Trà-khúc ở Quảng-
Ngãi, sông Gianh ở Quảng-bình
sông Lam ở Nghệ-an, sông Luông
sông Mã ở Thanh-hóa.

Nam-kỳ có sông Sài-gôn ở Gia
định, sông Đông-nai ở Biện-
hòa, sông Tiên-giang ở Vĩnh-
long, sông Hậu-giang ở An-
giang.

Bắc-kỳ có sông Nhi ở Hà-nội,
sông Đà ở Hưng-hóa, sông Lô
ở Tuyên-Quang, sông Lịch ở
Nam-định, sông Lục ở Hưng-yên
sông Lục-đầu ở Bắc-ninh, sông
Bạch-đăng ở Hải-dương

Đó là những sông có tiếng
nhất.

Vội vội núi cao ai đắp v u n
đắp ?

Cuốn cuộn sông to ai đắp bới
đào ?

Cổ trời đất thì có núi sông
này. Thường mở bản địa-đơn nước
Nam ra xem, thấy đất rộng 25
vạn ki-lô-mét vuông (250.000-
km²), bình nguyên thì bằng-
phẳng, núi non thì gồ-gề. Núi
sản-xuất vàng và thiếc, biển
sản-xuất cá và muối. Thật là
một nước lớn lao phồn-thịnh
ở Á-đông.

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên
thủ (3)

南國山河南帝居
截然定分在天書

(Núi sông nước Nam thì v u a
nước Nam ở,
Hàn-nhiên đã quyết định s ở
phận ở sách trời).

Xưa tướng nhà Minh là Hoàng
phúc sạng trấn giữ nước Nam
ta, thường than rằng: "Núi xanh
nước biếc tất nhiên có b ả c
vua mặc áo vàng xứng trăm đời

lên".

Lời nói này không chỉ riêng núi sông vùng Hoàn-châu Ai-châu (Nghệ-an và Thanh-hóa) là đất căn cứ của vua Lê Thái-Tô.

Có núi sông đẹp để mà chưa hùng-phát nhưng khoáng-sản quý-báu còn giấu tàng dưới đất.

Người nước Nam có tư-tưởng ái-quốc phải có cái học-văn ái-quốc. Chỉ mong con cháu giông cha Rồng mẹ Tiên chúng ta sống trên mảnh đất trời quý vật đẹp này hãy nghĩ rằng năm thú khoáng-sản chưa được khai phát dồi-dào thì môi lợi cho núi non sản xuất còn sót vậy.

Việc dân nước tuối r u ô ng không được giảng dạy thì việc canh-nông, còn tối tệ. Học về năm thú khoáng-sản, dạy về tam nông (ở đất bằng, ở núi sông và ở ao hồ) thì sản vật quý-báu ở núi được khai phát, thủy lợi được dồi dào không những địa mên yêu núi sông đẹp-để mà còn làm cho nước nhà được giàu có, nhân dân ngày càng đông đảo thì nước Nam ta ngày sau này há chẳng là, là đứng đứng-một nước lớn ở Á-châu sao?

(1) Chỉ rõ tên, nói rõ việc là thuộc phủ

(2) Nước Việt-Nam về phía tây không tiếp giáp với nước Xiêm-La (Thái-Lan)

(3) Lý Thường-Kiệt chôn giữ quân Tống, nhưng sợ quân mình ngã lòng bèn đặt ra chuyện thân ban cho 4 câu thơ. Hai câu cuối là: Nhủ hà, nghịch lộ lai xâm phạm, Nhủ đảng hành khan thụ bại hà.

CHƯƠNG 2

*Trùng rồng lại nở ra rồng,
Liu-điu lại nở ra dòng Liu-điu.*

Thờ phong-sử này thuộc tỷ (1) khen ngợi dòng-giông người nước ta.

Đời truyền rằng Hùng-vương làm vua đầu tiên nước ta là con của Lạc-Long-Quân.

Đầu tiên Đế-Minh là cháu ba đời vua Thần-Nông, bên Trung quốc đj tuân thủ ở phương-nam, đến núi Ngũ-linh cuối là Vu-tiên nữ làm vợ sinh ra Lộc-tục.

Lộc-Tục làm vua ở phương Nam sinh ra Sùng-Lãm

Sùng-Lãm hiệu là Lạc-Long-Quân cuối bà Âu-cổ sinh ra một trăm đứa con trai. Đó là Tô-tiên của Bách-Việt (nhiều giông Việt).

Người con trưởng được tôn là Hùng-vương lên ngôi vua đất quốc-hiệu là Văn-Lang truyền nối được 18 đời đều xưng là Hùng-vương.

Lại xét việc đất nước Việt ta ở miền ôn-đới là đất để sanh dục. Lúc đầu dân sống ở đó phần nhiều là đồng-dới các dân-tộc ở vùng đất đầu nguồn sông Hoàng-hà. Trước khi Kinh-Dương vương chúa đi về Nam, những dân-tộc ấy gọi là Lạc-dân, đại để phần nhiều là người Man (ở phía Nam Trung-quốc) người Di và người Lam. Từ khi Lạc-Long-Quân sinh ra một trăm người con trai thì hàng ngàn hàng vạn con cháu sinh ra biến thành bộ số, đời đời nắm giữ chủ quyền.

Còn giông Lạc dân kể trước c đều là hàng tối tổ nồ lệ.

Nay 25 triệu (1914) đồng bào nước Nam ta đều là đồng-dới con cháu của giông cha Rồng mẹ Tiên, cho nên lấy Rồng ví với giông da vàng, lấy Liu-điu loài rắn sống dưới nước ví giông người Man người Lão người Di người Lam. Đó là nói giông nội cô khác nhau.

Xét về người, bản thổ sống ở Thượng-du nước ta có rất nhiều giông khác nhau: người Thổ, người Man, người Nùng, người Mãn, người Dao, người Mang, người Mọi, người Lào, người Xá, người Thổ địa thiam dờng, người Thổ thiện xạ, người Man khác báp về, người Tắt đầu (sơn đầu lên đầu), người Sáp tiên, người Xá Miêu người Man chó, người Xá sủng người Dao đốt đầu, người Mãn suối Tân, người Thổ Cam Mỹ, người Man-châm-bôn, người Xá ngậm ngãi, người Nùng Thạch nham, người Mãn-mọi, người Dao xô tai mũi răng, người Thổ Cam-môn, người Bì Cam-mãnh, người Miêu Hải-vân, người Man Thợa-châm, người Lào, người Thổ Cấn-Thủy người Thổ Man-kỳ, người Thổ Mannôn, người Man Hải-Nhược. Đại để họ là bốn giông: Man, Lão, Di Lam, phong tục khác lạ, mỗi giông đều giữ lấy phong tục từ trước của mình, không qua lại với nhau. Họ được giáo-hóa nhưng họ không hóa cải theo.

(1) Thấy việc hà hồng đương thời mà không dám nói rõ, mới dùng phép so sánh kể n đảo để phụng thích, muốn vật làm dụ cho không nói rõ ý chính ra là thế kỷ.



CHƯƠNG 3

*Chàng về thiếp một theo mây
Con thỏ để lại chôn nầy ai
nuôi?*

Thỏ phong sử nầy thuộc phú.
Ý nghĩa của chương nầy chưa
rõ ra sao.

Theo sử xưa, Lạc-Long-Quân -
cưỡi bà Âu-cò sinh ra trăm
cái trứng nở ra trăm người
con trai.

Một hôm Lạc-Long-Quân n ó i
với bà Âu-cò:

- Ta là giống Rồng nặng, là
giống Tiên, nước và lửa khắc
nhau khó ở chung với nhau.

Hai người, liên tử biệt nhau
chia 50 đứa con trai theo
mẹ về núi, lấy 50 đứa c o n
trai theo cha xuống miền ven
biển. Đó là tổ-tiên giống
Bách-Việt.

Ý nghĩa của thỏ nầy là lời
của Tiên nữ Âu-cò ngậm ngùi
lúc cách biệt nhau với Lạc-
Long-Quân. Những việc hoang-
đông không đủ tin chắc.

CHƯƠNG 4

*Sông sâu suối hiểm làm vậy,
Ai xui em đến chôn nầy gặp
anh?*

Đào có sen nõ xanh xanh,
Ngọc lành phải giá, gái lành
phải duyên.
Cho hay Tiên gặp lại Tiên,
Phụng Hoàng há để đứng chen
cùng gà?

Thỏ phong sử nầy thuộc húng
(1).

Đời Hùng-vương thứ 12, c o n
gái của vua là công c h ú a
Tiên-Dung đi ra du ngoạn ở

c ửa biển. Thuyền rộng về đến
C hứ-gia-châu (bãi nhà Chử)
Công chúa đi bộ trên bãi gặp
Chử đồng-tử đang trốn ở
trong bụi sậy. Nàng tự c h o
là Nguyệt-lão xạ duyên, bèn
cùng Chử-dồng-tử làm vợ chồng.
Công chúa sợ phạm tội v ớ i
vua cha, không dám trở v ề
cung, bèn ở tránh nơi bỗ sông.
Về sau chỗ Công-chúa ở trở
thành nơi đờ-hội.

Hùng-vương tiên binh d ẽ n
danh đẹp. Chử-dồng-tử và Công
chúa Tiên-Dung lo sợ chích
chịu tội. Nửa đêm, thỉnh linh
gió mưa dữ dội, ruồng cột nhà
cửa đều bị nhổ bật lên, dân
cư và gà chó đều thặng lên
trời, lúu lại cái nên không
ở trong đăm. Lúc bấy giờ châu
ấy được gọi là châu Tự-Nhiên
(nay ở Huyện Đông-an tỉnh
Hùng-yên), đăm ấy được g o i
là đăm Da Trạch (nay thuộc
huyện Đông-an).

Thỏ phong-dao nầy nói việc
phối hợp thành vợ chồng đều
theo đồng loại với nhau,
tiên thì sánh với tiên.

Thật đẹp để thay Tiên -đồng
Ngọc-nữ đổi giai-ngẫu thiên
thành (đổi lúa lưỡng duyên
do trời tác thành)!

Trước đây việc Kinh Dương
vương đã cưới con gái c ú a
vua Động-Đình, Lạc Long-Quân
cưỡi bà Vu-Tiên nữ Âu-cò đều
được truyền tụng thành giai
thoại.

(1) Muốn vật để nói nên lời
trước hết muốn vật làm t ý
du rồi tiếp theo nói rõ ý
chánh ra là thể húng.



CHƯƠNG 5

*Đêm khuya thiếp mỗi hỏi chàng
Cau khô ăn với trâu vàng xứng
không?*

Thỏ phong sử nầy thuộc phú.
Đây là lời vợ chồng đùa nhau
Theo dã sử, trong đời Hùng -
vương thứ 12, có một q u a n
Lang họ Cao sinh đặng h a i
người con trai. Người trưởng-
nam cưới con gái của Lưu -
Huyền-Đạo, lại ăn ở không th
thuận hợp với người em trai.

Người em bỏ đi nói đồng nội-
núi rừng, gặp dòng suối không
có lối lúu thông, bèn khố thể
tham mà chết, hóa thành c â y
cau.

Về sau người anh đi tìm khắp
nơi, cuối cùng đến nơi ấy, hỏi
người trong làng. Người trong
làng kể:

- Lúc trước có một người nói
vì người anh thường vợ, nên
then mà bỏ đi rồi đến đây mà
chết hóa thành cây cau nầy.

Người anh liền ngã người bên
gốc cây mà chết hóa thành một
thứ dây mọc đeo cuốn vào cây
cau, đó là dây trâu.

Đến khi người vợ nhớ chồng đi
tìm đến đây, hỏi ra mới biết
có sự, cũng ngã mình bên gốc
cây mà chết hóa thành đồng
vôi.

Người sợ tại cho là công hĩa,
bèn lập đền thờ.

Lúc ấy vua Hùng-vương đi t. ẽ
thứ đến đây đứng nghĩ, s a i
bấy tôi lấy trái cau, hái t ẽ
trâu mà nhai chung và phư
vào đồng vôi thì thấy có màu
đỏ và có mùi thơm, liền truyền
lệnh ra khắp trong ngoài đều
phải trồng cây cau và d â y
trâu, hế có cưới, gá cũng tẽ và
yên tiệc đều phải lấy trâu,
cau làm phẩm vật đầu tiên để

xem tiếp trang 11



Đầu năm Xuân thứ Ngâm mây vãn Thơ hùng tráng của Cố nhân

TỜ NAM

Sau 360 ngày làm việc mệt nhọc, gặp ngày xuân thứ, chúng tôi tưởng không gì bằng nhập ly rượu để ngâm lại các vần thơ hùng tráng của cố nhân, để hưởng ứng với tinh thần quyết khởi của thanh niên thời đại.

Những thừa các bạn, loại thơ này sự thực cũng hiếm, không phải nhà thơ nào cũng sáng tác được. Thơ hùng tráng tất phải do những người có tâm hồn hùng tráng đứng trước cảnh ngộ hùng tráng, làm những công việc hùng tráng, thời khi cam tác ra câu thơ tự nhiên nó sẽ hùng tráng. Chàng cần mải dũa từng chữ từng câu như ông Hán-Cao-Tổ ngày trước, xuất thân trong hàng lý dịch (dinh trưởng) chỉ biết dạng dăm ba chữ ký, chữ cơ học vẫn gì đâu? thế mà gặp lúc rồi ren, nhờ được bọn Tào tham Tiêu hà, Trương Lương, Hàn Tín, đánh bại nhà Tần, chém đầu Hạng Võ, sau khi đã xây dựng cơ đồ nhất thống ở trên lưng ngựa, nhớ đến câu phú quý qui cô hướng, khi giàu sang trở về làng cũ, ông liền đưa bá quan về thăm ấp Bái, mục đích là để huyện điều già trẻ nơi quê; giết trâu mở lớn, mở tiệc linh đình, trong khi hào hứng muốn tỏ cho dân chúng biết rằng mình đây chẳng những là ông vua anh hùng, về phần văn chương lại còn đóng vai thi bá, đường đường tự đắc, gõ díp ca lên một bài, rồi bắt

trẻ con trong ấp hát theo, thế mà bài ca đó đã làm cho ai nấy ngạc nhiên và các nhà bình luận về sau cũng phải tán thưởng rằng: chỉ có những người như Bái công thì mới làm nổi, vì thế văn mạnh mẽ như vũ bão, nên mỗi mệnh danh là đại phong ca.

PHIÊN ÂM

Đại phong khở hề vân p h i
Uy gia tú hải hề quý c o h u o n g
An đắc tráng sĩ hề thủ t ú
phương?

Dịch

Gió cuốn âm âm hề, mây t a n
Đại khét bốn bể rồi ta trở
Tìm đâu dạng tráng sĩ h e
cùng ta giữ vững bốn phương

§

Lại như ông Dương Quynh, một nhà thơ trong hàng tứ kiệt lúc bắt đầu có thơ Đường, nhưng ông lại là một thanh niên có tinh thần thượng võ khi thấy nước nhà có biến, vội xếp nghiên bút xin ra đều quân. Đọc bài tông quân hành dưới đây, sẽ thấy khi phách hiên ngang của một người thi sĩ kiêm chiến sĩ.

PHIÊN ÂM

Tâm trung tư bất bình!
Nha chương tử phùng quyết,
Thiệt kỵ nhiều long thành,
Tuyết âm điệu kỳ hoa,
Phong đa tạp cô thanh,
Ninh vi bách phu trưởng,
Thắng tác nhất thú sinh.

DỊCH THỂ NGŨ NGÔN

Khởi lửa ngất tây kinh,
Lòng ta xông bất bình
Ấn ngà tứ trước bệ,
Ngựa sắt riều bên thành
Tuyết đẫm cỏ pha sắc,
Gió gào trống lân canh
Thả làm viên đội trưởng
Bằng mây chú thú sinh?
Ai chằm ngọn lửa tây kinh?
Riêng bầu máu nóng bất bình
nổi xông!
Ấn ngà lãnh chức tiên phong,
Kéo đoàn kỵ mã ruổi rong bên
thành!
Ngọn cờ tuyết phủ long lanh,
Gió gào lân tiếng trống canh
ai ngoài.
Thanh gươm yên ngựa như ai?
Còn hồn nghiên bút đóng vai
anh đồ.

Lại như Chu Nguyên Chương, với một thanh gươm, một yên ngựa, đánh bại nhà Nguyên cướp lấy thiên hạ, đứng nên cơ nghiệp Minh triều nhớ lại trong khi còn đang chiến đấu có lần chỉ một mình ông vào ngụ ẩn tại ngôi chùa, sự trog chùa nhìn thấy tượng mạo khác thường, đồ xô lại hơi tính - danh? Ông không chịu nói, chẳng ngờ đến lúc gà gáy, các sư thức dậy đốt đèn hương thì ông khách lạ mặt ấy biến đâu mất ngó lên tượng thấy bốn câu thơ mới để nét mực vẫn còn chưa ráo:

Sát tận Giang nam thập v a n
Thủ trung hữu kiếm huyết do
Lão tăng bất thức anh - hùng
Thượng cảm ngao ngao vẫn tít
binh!
tinh!
hân
danh.

DỊCH
Giết trụi, Giang nam chucvan binh!
Trong tay báo kiếm huyết còn tanh!
Sư giả chẳng biết anh hùng đó?
Còn giám nhao nhao hỏi tánh danh?

THỎ HÙNG TRẮNG CỦA VIỆT NAM

Nói về loại thỏ này ở nước Việt Nam ta từ xưa đến nay cũng có rất nhiều, nhưng cứ ý riêng chúng tôi thì có lẽ thịnh nhất là thời nhà Trần vậy xin lược dịch mấy bài để công hiến các bạn.

Thỏ cụ TRẦN QUANG KHAI

Đoạt sáo Chương dương độ,
Cầm Hồ, Hàm tù quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thú giang san.

Dịch

Chương dương độ, giáo k i a cướp lấy
Hàm tù quan, Hồ dấy trời đi!
Ai đi gắng sức một khi,
Non sông muôn thuở bình thì từ đây.

Thỏ cụ PHẠM NGŨ LÃO

Hoành sáo giang sơn cấp kỳ thâu,
Tam quân hồ báo khí thôn ngâu!
Nam nhi vị liệu công danh trái,
Tu thính nhân dân thuyết Võ hầu.

DỊCH

Ngon giáo tung hoành trái mảy thâu,
Ba quân hùng hổ nuốt s a o ngâu!
Nam nhi mà nợ công danh khắt
Thẹn chết khi nghe chuyện Võ hầu!
(Giai phẩm mùa Xuân Canh Tý Sài Gòn 1960 trang 23)

cấp bách. Do đó về Phật sử, vua Gia Long hình như chỉ quan tâm đến việc báo ân bằng cách sắc tử, trùng tu các chùa đã giúp đỡ Ngài trong bước hoạn nạn. Ngoài các chùa vừa kể, ở Sài Gòn và vùng phụ cận Gò Vấp Gia Định, là các chùa Pháp Võ, Kim Chương Thiên Tướng (bị tây phá hồi năm 1863), chùa Lập Phước, Báo Ân, Long Huệ, Trưởng Thọ tại Hà Tiên và Rạch Giá, có hai chùa đều mang tên Tam-Bảo.

Sang triều Minh Mạng (1820 - 1840) nhà vua chinh đốn mọi mặt, chia các trấn để lập thành tỉnh cả 3 xứ (Nam, Trung Bắc), đặt ra các ngạch quan và điều khoản sửa đổi việc nội trị gặt gao hơn triều Gia Long, cải Quốc hiệu Việt Nam thành Đại Nam và bắt đầu nghiêm khắc cấm đạo Thiên Chúa, chủ trương bề quan toà căng.

Về Phật Giáo, năm 1826, vua sắc chỉ tái thiết chùa Thánh Duyên, do chúa Nguyễn Phúc Châu cát (1691-1725) bị Tây Sơn tàn phá. Vua cũng sắc chỉ sử ở các nơi về kinh đô để bộ lễ, xét rồi cấp độ điệp, và đổi các vị Hoà Thượng lại làm Tăng Cang. Ngài giảng biệt hai chữ ấy như sau:

Nguyên có Ngài Giác - Ngộ Hoà Thượng. Ngài tự hiệu là Sơn Nhòn, gốc người Gia Định (Nam Việt), trước kia làm nghề đập đá xây thành. Một hôm đập trong đá thấy một tượng Phật, Ngài liền xin thôi việc, mang tượng vào rừng, không giao thiệp với người đời nữa. Không ai biết ông đi đâu. Sau một thời gian, người tỉnh Phú Yên tỉnh cơ gặp Sơn Nhòn ở trong một ngôi chùa hang núi. Chôn ấy rất nhiều cọp dữ, người trog ban xứ sợ, ít ai dám tới đó

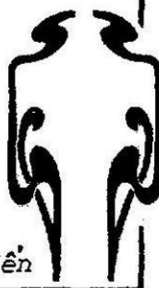
lễ Phật dù có chùa cất gần. Khi thấy Sơn Nhòn ở đó ai cũng thất kinh, hỏi Ngài sao chẳng sợ cọp. Ngài đáp: Cọp mặc cọp, mình mặc mình. Có gì sợ? Ngài thường ăn rau trái chẳng dùng cơm gạo. Năm có bệnh dịch lệ (thời khí), ngu người ban xứ chết qu nhiều, nhờ Ngài cầu an. Họ đều được bình an trở lại, bèn đem chuyện ấy trình lên quan. Quan tỉnh có người con đau bụng, chữa hoài chẳng dứt, nên sai hai viên đội đi rước Sơn Nhòn. Ngài hỏi tình ởngã nào. Họ chỉ về hướng đồng. Ngài bảo họ về trước. Khi về tới nói họ đã thấy Ngài đã đến trước rồi. Ngài chữa bệnh. Bệnh liền lành. Quan tỉnh đem việc linh thiêng đó tâu vua Minh Mạng. Vua sắc triệu Ngài vô Đại nội, hỏi mọi lễ và tạ thưởng rất hậu. Ngài từ, chẳng lấy thứ gì cả. Vua khen: "Người xưa có nói "Thuận nhất bất tạp là Hoà/vạn loại xưng tôn là Thượng Sơn Nhòn thật đúng là hai chữ ấy, liền ban hiệu " Sơn Nhòn Hoà Thượng". Vua sắc chỉ đổi các vị Hoà Thượng lại làm Tăng Cang, để tỏ là phải thua Hoà Thượng một bậc. Từ đó danh Hoà Thượng ít có ai được. Sơn Nhòn Hoà Thượng mặc toan vô cây, ăn toan rau, đi bằng hai lê cây đeo. Ngài đi mau lắm, mang guốc xỏ d a y quai. Sư còn chép thời này có các vị Thiện Sư nữa như Liêu Tịnh, Phước Chi, Giác - Linh Hoà Thượng, Tống Thị Ni cô đều là những bậc tu hành đặc đạo cả.

(còn tiếp)



ĐƯỜNG VỀ Nam Cực

— Thích Như Điển



Cách đây độ chừng 20 năm tôi đã có dịp đọc một quyển sách Đạo, nhan đề là: "Đường về Cực Lạc" của một vị Tăng hoặc một vị cư sĩ hữu danh nào đó nói về phương pháp Niệm Phật Vô Lượng Sanh. Rồi độ 10 năm sau nữa ở nơi một ngôi chùa Tổ Đình giống Lâm Tế, Phước Lâm Tự tại Quảng Nam tôi cũng đã đọc được một quyển sách của 3 Tác giả cùng viết chung tương đối khá hay, nhan đề là "Đường về xứ Phật" của Thượng Tọa Thích Minh Châu, Thượng Tọa Thích Huyền Vi và Thượng Tọa Thích Thiên Châu. Nội dung của sách viết về những Phật tích tại Ấn Độ, nơi mà Quý Thượng Tọa lúc bấy giờ đang tu học tại đó.

Ngày nay Thượng Tọa Thích Minh Châu vẫn còn ở Việt Nam (nguyên là Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh), bị áp lực của cộng-sản cũng như của gia đình, Thượng Tọa bị cưỡng chế dưới nhiều hình thức gần như xa hãm và lập trường của Giáo Hội trong hiện tại.

Thượng Tọa Thích Huyền Vi hiện đang ở Pháp Trụ trì Linh Sơn tự, đường kim giảng - Sư danh tiếng của Phật Giáo Việt Nam tại Pháp.

Còn Thượng Tọa Thích Thiên Châu bây giờ ở cũng đang ở Pháp, Trụ trì Trúc Lâm Tịnh xá nhưng Thượng Tọa bị cộng-sản Việt Nam lợi dụng, hiện là một cánh tay nối dài của CQ ĐCSVN trong cũng như ngoài nước.

Đọc "Đường Về Xứ Phật" tôi thấy hân - hoan khó tả, nhưng hôm nay xứ Phật chưa về mà một vài vị đã gần như xa xứ, cảm như sự thế đối đãi, như vô thường biến đổi, như biển cả bể nước dâu. Quả thật cuộc đời là một sự đổi thay không định hướng.

Hôm nay tôi không muốn giới thiệu với Quý vị độc giả những "đường về" trên, mà tôi sẽ viết một cuộc hành trình - một thiên hồi ký "Đường Về Nam Cực". Đó là xứ Úc vậy.

Nước Úc nằm về phía Nam bán cầu, đối ngược

lại với Việt Nam hay Nhật Bản. Khí hậu ở đây tương đối giống Việt Nam, nhưng cũng có nhiều nơi nóng hoặc lạnh hơn.

Nếu ai bảo Nhật là một hòn đảo cô đơn. Đại Hàn là một bán đảo, thì Úc Đại Lợi cũng chỉ là một hòn đảo không hơn, không kém. Tuy Úc là một hòn đảo, nhưng người ta ít nhận ra được khi ở trong lòng đất, vì xứ Úc quá rộng lớn, diện tích gần bằng nước Mỹ, nhưng ở đây chỉ có 14 triệu dân, đa số là dân di cư tập chung từ khắp nơi trên quả địa cầu. Người ta sống trong địa lục mệnh mông vô tận ấy, không còn cảm thấy mình bị cô lập bởi thiên nhiên như sông, núi, ao, hồ.

Năm 1980 tôi đã có dịp đi Úc 2 lần, Mỹ, Gia Na Đại một lần, Á châu một lần, Phi Châu một lần và Âu Châu nhiều lần khó có thể ghi vào trong ký ức nổi. Nếu làm một con số thống kê về đường bay sẽ có khoảng hơn 100.000 cây số mà tôi đã đi và trở về lại Đức.

Ngày xưa, khi thời còn du học, mỗi lần xin Visa để đi xứ này qua xứ khác là cả một vấn đề khó khăn và phức tạp. Có thể đi ở i bằng tiền tài, lãnh lợi hay uy thế. Còn ngày nay có nhiều lúc chưa muốn đi mà việc đi vẫn đến như thường.

Tuy ta là con dân của nước Việt, nhưng ta chưa hẳn hạnh phúc làm dân của một nước thật sự hòa bình, độc lập, tự do, nên người Việt chúng ta vẫn chưa có một cái gì đáng tự hào với năm châu bốn bể cả.

Quê hương ta không thiếu một thứ gì, kể cả tinh người lẫn vật chất, nhưng trong hiện tại ta thiếu rất nhiều thứ tự do cần bản của một con người cần phải có.

Ngày nay ta ở ngoại quốc, ta có đủ hết mọi điều, từ nhà lầu, xe hơi, truyền hình, tủ lạnh... nhưng chúng ta đang thiếu một điều đó là quê hương, tình người và một Việt Nam muốn thươ. Ở ngoại quốc đâu có ý tìm tòi bao nhiêu chăng nữa, nơi đây cũng không có một tình tự dân tộc cho thật Việt Nam, không có tình người, không có mái chùa xưa không có ngôi đình cũ, nên đâu có đủ bao nhiêu, trong ta vẫn thấy trống vắng lạ thố.

Ôi quê hương! Ôi tình người... Tôi chỉ thấy có một điều là chúng ta chỉ có thể hòa đồng và đoàn kết được khi lựa hận thù không

thêm dầu oán hận và nước Tư Bi rưới t ấ t
cầm hôn, thì mỗi không còn oan oan tương -
báo, nếu không, nghiệp khổ vẫn cứ đeo đuổi
chúng ta hoài và có lẽ chà bao giờ trítuệ
siêu phạm lại triển khai được.

Ngày nay người Việt Nam chúng ta ở k h ắp
nơi trên quả địa cầu, chưa biết là một niềm
vui hay là điều tui, nhục. Có lẽ thời gian
và hoàn cảnh sẽ trả lời cho tất cả chúng
ta, nếu chúng ta vẫn muốn còn trở lại Việt
Nam - quê hương yêu dấu, như người Do Thái
trở lại Thánh địa Jérusalem - thì ta còn
đỡ tui, nhục, nếu không, chúng ta cũng c h i
là những cánh hoa chum gởi nói xử lạ quê
người không một chút nghĩa òn.

Nước Úc tuy to lớn, nhưng chỉ có một s ở
thành phố chính như Sydney, Brisbane, Melb-
ourne, Perth, Darwin, và một số thành p h ở
nhỏ hơn như Adelaide, Canberra... Camberre-
là thủ đô của Úc nhưng nhỏ hơn Sydney, cũng
như Bonn là thủ đô tạm thời của Tây - Đức
nhưng nhỏ hơn München hay Hamburg, h o à c
Ottawa của Canada nhỏ hơn Montréal, Toron-
to... Điều đó chúng ta cũng chẳng lạ gì.
Vì thủ đô của một nước là nơi tập - trung
những thế lực chính trị của nước đó và của
thế giới, còn một số thành phố khác t u y
không là thủ đô, nhưng sâu uất hơn, vì đ ó
là nơi thường mại, bán buôn.

Tôi đã có dịp ghé Sydney, Brisbane và Ade-
laide nhiều lần, nên hôm nay ghi lại m ô t
vài hình ảnh ở xứ này để quý vị độc- giả
hiểu thêm về một số phong tục, tôn giáo và
văn hóa của xứ này cũng như của người
Việt Nam chúng ta hiện đang cư ngụ tại Úc.

Như trên đã trình bày, xứ Úc là một xứ di-
dân, đa chủng, nên phong tục của mỗi giống
dân đều có từng sắc thái đặc biệt của họ,
có lẽ không có dân tộc nào giống dân tộc
nào. Vì bao nhiêu năm tôi đã có dịp ở Á ,
Âu và Mỹ châu vào nhiều dịp Tết khác nhau,
mỗi nơi đều có cử hành Tết tuy cũng khác
nhau, nhưng không như ở Úc. Ở Úc có lẽ không
có Tết, không có một phong tục, một sắc thái
nào nổi bật trong ngày Tết của Úc cả. Có
lẽ dân tộc nào cũng nghĩ rằng mình đ ể u
có phong tục riêng, nước Úc đối với họ chỉ
là một nước đến để ở, làm việc, lấy tiền để
về sống nơi quê hương của họ, ngoài ra chưa
có một ý nghĩa nào khác cả.

Trong khi đó thì người Việt Nam chúng ta

vẫn chờ ngày Tết âm lịch hơn là vui t h eo
dương lịch.

Dầu ở Úc đa số là người Anh, nhưng có lẽ họ
ở đây lâu đời (nhiều nhất là 200 năm) nên họ
cũng bị ảnh hưởng bởi cái vô ý vị về ngày
Tết ấy. Dầu cho Giáng Sinh ở đây có tô diêm
thế nào đi chăng nữa, vẫn không thế nào và
không bao giờ có được một bông tuyết rơi,
trong lúc Âu châu hoặc Mỹ châu đang lạnh
buốt thấu xương, tuyết rơi trắng xóa ngoài
đường trong khi đó Úc châu đón Giáng-
Sinh bằng những giọt t m ỏ hổi nhưế nhại,
nóng bức khó tả, đôi khi nhiệt độ lên đến cả
40C⁰.

Khi người Anh họ tìm ra được đất Úc, đa số
đều mang theo tín ngưỡng của họ - tin lành -
hoặc Thiên Chúa Giáo, và dường nhiên một số
dân tộc khác khi đi dân vào xứ Úc họ cũng
đã mang tôn giáo của họ vào.

Riêng Phật Giáo thì sự có mặt tại xứ Ú c
này hơi trễ. Phật Giáo được dân Úc biết đến
nhiều có lẽ từ khi người Tây Tạng chạy loạn
sang đây và một số người Âu Châu theo Tiểu
Thừa Phật Giáo mang đến. Ở tại Úc người Phật
Tứ cũng như giới Tăng Sĩ Tây Tạng đã t a o
dựng được khá nhiều chùa chiền, tu viện như
ở Thụy Sĩ hay Tây Đức, nhưng cũng không phổ
cập mấy đối với người địa phương. Vì đa số
người Âu Châu hay Úc Châu khi nghiên - cứu
và tin theo Đạo Phật chỉ về phần triết - lý
chứ không thiên về phần tín ngưỡng hay lễ
nghỉ như người Phật Tử Á Châu vẫn thường
hay tin.

Khoảng hậu bán thế kỷ thứ 19. Sau cuộc Duy-
tân của vua Minh Trị (Meiji Tenno - Nhật) -
(1868) người Âu châu tìm tòi đến văn hóa và
Tôn Giáo của Á Châu nhiều hơn trong những
thế kỷ trước. Ngược lại người Nhật cũng nhân
cơ hội này mở rộng của giao thương với người
Âu Mỹ mà phiên dịch những sách b á o
bằng tiếng Nhật ra Anh ngữ để người ngoại-
quốc có cơ hội hiểu về người Nhật nhiều
hơn (trong đó có tôn giáo, văn hóa, thương mại)
Trong các tác phẩm được dịch ra Anh Văn đã
được giới học giả và giới trí thức Âu Châu
ái mộ nhất trong hậu bán thế kỷ thứ 19 về
Tôn Giáo có lẽ là bộ Thiên học của Suzuki-
Daietsu. Ông ta là một người cư sĩ tại gia
nhưng viết sách về Thiên rất độc đáo, đã làm
cho nhiều người Âu Châu càng ngày càng tìm
hiểu về Phật Giáo nhiều hơn.
Tư Sĩ cũng đã dịch bộ Thiên Học của Suzu-

-ki Daietsu ra Việt ngữ và cũng đã được nhiều giới tôn giáo và văn học Việt Nam ưa chuộng. Nguyên tác mà những sách của Suzuki đã viết có nhiều đề tựa khác nhau nhưng quyển đầu tiên đề tên là Thiên Học nhập môn (Zengakku nyūmon). Có nhiều người Việt Nam đã dịch là neo vào Thiên học, hoặc đúng vào Thiên học. Cả hai cách dịch đều đúng cả. Tôi đã có dịp đọc bộ Thiên luận của Suzuki bằng tiếng Nhật trong thời gian ở Nhật thấy ít hay hơn là văn đã được dịch sang Anh ngữ hay Việt ngữ.

Một quyển sách khác mang tên bằng tiếng Đức là "Der Weg zum Innern", nếu dịch đúng nghĩa là "Đường về nội tâm", nhưng Phùng Khánh và Phùng Thắng đã dịch là "Câu chuyện giòng sông". Một câu chuyện có thật mang tính chất lịch sử, theo cái nhìn của một người Âu Châu đóm nhuần tinh - thần Phật Giáo.

Sau năm 1975 đồng bào Việt Nam chúng ta di tản đến Úc càng ngày càng đông, chodên ngày hôm nay (1.81) ước chừng 33.000 người có mặt khắp nơi trên nước Úc. Đa số người Việt Nam chúng ta theo Phật Giáo, nên nhu cầu về vấn đề tinh thần càng ngày càng cấp thiết hơn mà ở đây cho đến đầu năm 1980 vẫn chưa có một vị Tăng sĩ Việt Nam nào hướng dẫn tinh thần cho đồng bào cả. ngoài Thầy Đồng Trung đã ty nạn sang Sydney rồi sau đó qua Los Angeles, không có một vị nào đến định cư cả. Đầu năm 1980 trên đường trở lại Nhật tôi đã có lần ghé thăm đồng bào Phật Tử Việt Nam tại đây và sau khi tiếp xúc, nói chuyện, gặp gỡ... mọi người con Phật ai ai cũng đều mong muốn có một vị Tu Sĩ Việt Nam đến lưu ngụ tại Úc.

Phật Tử ở Úc vào cuối năm 1980 có đến được 2 vị Thượng Tọa Việt Nam từ Hồng Kông và Pulau Bidong đến ty nạn. Đó là Thượng Tọa Thích Tác Phước và Thượng Tọa Thích Huyền Tôn. Hiện nay 2 vị đó đang trụ trì 2 Niệm Phật Đường tại Melbourne và ở tại Sydney.

Trước khi nhi vị Thượng Tọa sang đến Úc ở đây 3 hội Phật Giáo Việt Nam đã được thành lập trước đó một năm tại New South Wales, Brisbane và Adelaide (Perth, Cambera được thành lập sau đó), và nơi nào cũng không có một vị Tu Sĩ Việt Nam hướng dẫn. Có một số quý vị Phật Tử đặt câu hỏi với

chúng tôi là: Tại sao quý Thầy Việt Nam sang đến được các đảo đều mong muốn đi Mỹ cả, mà không muốn đến Úc hay một nước Âu châu nào khác ngoài Pháp và Đức?

Câu hỏi tuy dễ nhưng sự trả lời thật khó. Nếu đứng từ quan điểm của chính tôi, tôi đã giải thích như sau:

- Vì đa số các vị đó đều nghĩ rằng ở Mỹ đã có cơ sở rồi, nên đến đó tiện hơn.

- Vì ở Mỹ nhiều đồng bào Phật Tử hơn là ở những nước khác.

- Vì chính khả năng của những vị Tu Sĩ này chưa đủ để đứng ra lãnh đạo một Hội đoàn một tổ chức hay một ngôi chùa.

- Và cũng chính vì trình độ văn hóa của những vị Tu Sĩ Việt Nam mới sang trên đường ty nạn cần bổ túc thêm (trừ những vị đã đi học từ trước). Họ khó có thể mở miệng ra là có thể xử dụng những ngoại ngữ thông thạo nên cần phải học cũng như những người ty nạn Việt Nam khác. Sau 5 hay 3 năm họ sẽ là những người đi tiên phong để lãnh đạo quần chúng.

- Nhưng xét cho cùng, với một nhu cầu thật lớn của đồng bào Phật Tử Việt Nam hiện nay trên khắp cõi địa cầu, mà chỉ có hơn 100 vị nam và nữ Tu Sĩ Phật Giáo lo cho đồng - bào Phật Tử về vấn đề tinh thần thì quả là cả một vấn đề hết sức trọng đại.

Sau năm 1954 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã gởi một số Quý Thầy sang du học ở các nước: Ấn Độ, Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức những theo tôi được biết con số chính thức những du học Tăng được giáo Hội gởi đi tính đến năm 1975 độ chừng 60 vị. Một số lớn đã về nước làm việc với Giáo Hội và một số du học Tăng đã tốt nghiệp tại ngoại quốc và đang làm việc với đồng bào khắp năm châu độ chừng 35-40 vị. Với một nhu cầu quá lớn của đại đa số quần chúng Phật Tử Việt Nam mà những người có khả năng lãnh đạo đồng bào, lại quá ít, nên đó vẫn là vấn đề đại nạn của Giáo Hội ở Hải Ngoại hiện nay. Người phát tâm xuất gia càng ngày càng biệt dạng, trong khi đó những vị lãnh đạo tinh thần trọng tuối lại lần lượt ra đi. Một khoảng không to tướng mà ai trông chúng ta cũng đều phải lưu tâm đến. Giáo Hội chúng ta nghèo, nhưng Giáo Hội đã

đào tạo được một số Tu Sĩ nòng cốt tại Hai Ngoại chân tu thực học, cấp bậc thấp nhất là cư nhân và cao nhất là Tiên Sĩ, về Đạo cũng như về đời. Dầu sao đi nữa cũng làm cho chúng ta hãnh diện với người ngoại quốc hay chính người Phật Tử Việt Nam của chúng ta.

Ngày xưa đa số Tu Sĩ Phật Giáo Việt Nam chỉ cần học thông thạo nội điển là đủ, nhưng ngày nay vì sự lớn mạnh của Đạo Phật cũng như sự tiến bộ của quần chúng, nên bắt buộc những Tu Sĩ du học ngoài nước cũng phải có một số bằng cấp tương đương với đời, thì mới mong những người mang Sư Gia của Như Lai mới đi vào quần chúng được.

Thật ra cái học đối với người tu đầu tiên là Tiên Sĩ hay cư nhân nó cũng chẳng có giá trị gì trong cuộc sống tam bợ này cả. Vì Đạo Phật quan niệm rằng cuộc đời là vô thường thì tất cả những bằng cấp trên cũng đều bị biến đổi theo sự vô thường đó. Cho nên học hỏi để mà giúp đời giúp Đạo, không phải học hỏi để đi khoe khoang bằng cấp, tranh giành địa vị nhỏ to.

Tôi đi đến đâu, các Hội Phật Giáo cũng mong được giới thiệu cho một Thầy để hướng dẫn những sinh hoạt cho đồng bào Phật Tử, nhưng như chúng tôi đã trình bày ở trên, Tu Sĩ Việt Nam trong hiện tại rất là hiếm vì "tre đã già nhưng măng không mọc" thì làm sao đây. Ngày xưa ở Việt Nam đã không có biết bao nhiêu người phát tâm xuất gia nhưng ngày nay ra ngoại quốc dốt đờc mà tìm cũng chưa thấy một người có tâm lo tu học giải thoát. Điều đó tôi nói chẳng ngoa chút nào. Vì suốt 9, 10 năm ở ngoại quốc tôi chưa thấy một người Việt Nam nào vào chùa xin đi tu cả. Có chăng cũng chỉ đến ở làm công quả năm ba ngày rồi trở về nhà chứ không thể ở lại nơi Thiền Môn được. Nhiều lúc tôi tự đặt câu hỏi rằng: không biết có phải vì người ta khổ mới lo tu, còn sung sướng rồi thì đâu có cần gì đến Phật Pháp? Nói như thế chắc có lẽ chỉ đúng một phần nào thôi, nhưng nếu cứ vậy thì theo cái đà giả tạm này liệu con người có thể mang theo những niềm vui ấy về cõi khác không? hay cũng để cho chính nó đẩy vò mình đến tận tận tuyệt?

Nhưng Phật Tử tại Úc nay mai cũng sẽ được Đại Đức Bảo Lạc từ Nhật qua để chăm

lo Phật sự tại Sydney, đó cũng là niềm vui cho đồng bào Phật Tử nơi đó.

Vì đồng bào Phật Tử ở đó, theo tôi thấy họ luôn luôn một lòng vì Đạo, nên sớm muộn gì rồi ước nguyện cũng đạt thành. Có nhiều người Quý Thầy tưởng đối khá nhiều, Phật Tử không mới, không cung thỉnh mà Quý Thầy và Quý Ni Cô vẫn hiện diện bên họ. Quả thật chú Phật Tử ở đó thật hữu duyên, còn có nhiều người cung thỉnh một vị trụ trì hoài không được cũng sinh ra Phật ý.

Theo thiên ý của chúng tôi, nhiệm vụ của người Tăng Sĩ là trên cầu Đạo Giác - Ngộ dưới lo giúp đỡ quần sanh, chỗ nào cần mình đến, chỗ nào gọi mình đi. Có như thế mới tự tại giải thoát và tùy cảnh tùy duyên chứ người Tu Sĩ quyết sẽ không bị một sự ràng buộc nào cả.

Ở Sydney, Brisbane và Adelaide đồng bào PT thật quá thuần thành, có nhiều vị mới nhìn thấy chiếc áo cà sa là đã khóc ào lên nói trong nước nớc "Tưởng rằng con không bao giờ còn nhìn được pháp phục này nữa". Cho hay mỗi biết cái tâm Đạo của con người nó cao hơn núi Tu Di, rộng hơn 4 biển nữa, làm cho tôi vô cùng cảm động và chỉ biết chấp tay nguyện cầu cho mọi người con Phật nơi đây được đầy đủ phúc duyên để sống trong tinh thần từ mãn của Như Lai.

Nói về văn hóa ở xứ Úc này đều ảnh hưởng bởi người Anh hay người Mỹ. Người Việt Nam chúng ta học tiếng Anh tương đối nhanh hơn tiếng Đức hay tiếng Nhật. Duy chỉ có một điều mà các bậc phụ huynh luôn lo âu cho những thế hệ trẻ rằng, nếu một mai đây không có những trường Việt ngữ để dạy cho con em họ thì chúng một thế hệ nữa con em của họ sẽ không còn biết Văn Hoá Việt Nam là gì nữa, mà có lẽ khi học sư Việt Nam bằng tiếng Anh hay khi nghe nói về Việt Nam, con em họ sẽ nghĩ Việt Nam cũng sẽ giống như một nước ngoại quốc nào đó không liên hệ gì với chúng.

Có nhiều cha mẹ thấy con mình nói tiếng Anh với nhau vui mừng, nhưng cũng có nhiều người đánh đập căm đoán. Bảo rằng ở trường thì nên nói tiếng Anh, nhưng về nhà phải dùng tiếng Việt. Ngược lại cũng có nhiều cha mẹ không muốn con mình học tiếng Việt vì sợ thua sút bạn bè của chúng. Bên nào cũng có lý cả nhưng nếu chúng ta nhìn tâm

gương của người Do Thái và người Trung Hoa thì hẳn chúng ta cũng sẽ học được nhiều bài học xứng đáng trong vấn đề bảo tồn và phát huy văn hoá tại xứ người. Nếu chúng ta muốn chính chúng ta và con em chúng ta trở về Việt Nam khi không còn chế độ cộng sản nữa, thì nên cho con em chúng ta học tiếng Việt và văn hoá Việt Nam thêm ngoài giờ học ở trường.

Do đó những vị giáo sư hữu tâm đã lo dạy tiếng Việt cho con em Việt Nam tỵ nạn ở Úc là điều đáng quý và nên làm.

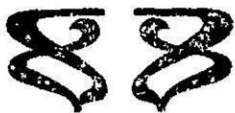
Có những buổi phát thanh tiếng Việt hằng tuần và một vài tờ báo đăng tải những tin tức quê hương và thế giới bằng tiếng Việt để cho người tỵ nạn Việt chúng ta có cơ hội đọc, nhớ và nghĩ về quê hương trong vấn đề bảo tồn và phát huy văn hoá nước nhà trong lúc xa quê hương xứ sở như thế này.

Nói chung, tình hình sinh hoạt của đồng bào Việt Nam tại Úc, Phật Tử cũng như không PT đều khá tốt, vì nơi đó dễ phát triển và không có sự kỳ thị chủng tộc hay Tôn giáo như các Quốc gia Âu, Mỹ khác.

Tiếng nói và khí hậu ở Úc cũng tương đối dễ chịu hơn một số quốc gia Bắc Mỹ hay Bắc Âu, vì Úc gần Việt Nam hơn là những nơi xa lạ khác.

Ghi lại chuyện đi "Đường về Nam Cực" đã hoàn tất một chương trình viễn du khắp năm châu trong thập niên 70-80 và nay mai những tài liệu này sẽ được in lại thành sách để giới thiệu đến quý vị những nơi mà đồng bào Việt Nam ta đang sinh sống mà tôi đã được hân hạnh đến tận nơi, xem tận gốc về những vấn đề liên quan đã kể trên để công hiến Quý vị độc giả có một cái nhìn xác thực đối với người tỵ nạn Việt Nam chúng ta đang có mặt khắp nơi trên quả địa cầu.

Viết xong ngày 9.1.1981 trên chuyến bay từ Úc về Frankfurt.



THƠ

TRẬN GIÓ BẤT BÌNH

hình như trăng ấy thay lối
song thưa gió tạt nổi đối biệt ly
ngâm câu quân vấn qui kỳ
thưa rằng sông núi khác gì trần ai
có không một cuộc vân xoay
cuốn trong hủ áo những ngày phù sinh
hãy xem trận gió bất bình
là cơn mưa tạnh giữa miền thình không.

LỜI KHÓI SỬNG

đôi tuôn mây lớp sắc không
một mai đầu bể về trong kiếp người
cũng là nước chảy hoa trôi
vàng xửa rụng lá bên trời tịch liêu
trắng nào đầu đêm nguyên tiêu
ngàn đầu xanh nổi điếu hiu mấy gò
bụi về trong sắc hồng pha
chúng như hoen máu người ra cuối trời
xuân thu khép lại một thời
còn chăng chỉ một đôi lời khói sửng.

— Mai Vi Phúc —

chiều đông và tương đá

Chiều ta qua phò người và gió lạnh,
Tuyết gieo mình vất vả ngọn cây khô!
Nhà hai bên im lìm như đất thánh,
Đèn xanh xao ngái ngủ đứng bờ phỏ!

Qua công viên nghe gió càng thêm lạnh
tương đá nhìn ngạo nghễ giữa trời đông:
Thường con người bốn ba đứng danh vọng!
Thường con người lặn dần kiếp phù dung?

Chiều hôm nay ta muốn làm tương đá,
đứng ngang trời nhìn thế sự xoay quanh..
Trong tim ta một nỗi buồn rất lạ:
Thường thế nhân hay chỉ tự thương mình?

Đăng Trình Wallenstätter
München 78

Phu Bân. Vô Đỉnh



TRONG CÓN LỐC ĐỎ



— Nguyễn Hồng Kỳ —

Phần I: Tàn binh lửa

Chương 1: Những ngày cuối cùng của một đơn vị.

Trời nắng như thiêu đốt. Trên trời những chiếc máy bay trực thăng và phản lực thay nhau dội từng loạt bom và rốc két xuống một vùng làng mạc không xa. 14 giờ. Tiếng chuông điện reo ba hồi báo giờ vào lớp.

Năm phút sau, tất cả khóa sinh đã vào lớp học cùng huấn luyện viên.

Đây là một quân trưởng, trưởng quân nhu QL VNCH. Trưởng tọa lạc trên ngọn đồi Tăng-Nhơn Phú cùng với các quân trưởng b a n như hành chánh tài chánh, thế dục quân đội quân báo thành một liên trưởng Thủ Đức. Trước đây hơn một năm khu vực này thuộc trường võ khoa Thủ Đức. Trưởng này đã dời lên Long Thành.

Không khí học tập thật là uế ối. Trò chẳng muốn học, Thầy không thích dạy. Đứng h ở n chỉ là những giờ học lấy có. Bây giờ h ọ c cái gì nữa, như nước tối trôn. Ai cũng nôn nóng, mong tin tức gia đình, bà con, bè bạn. trong canh dầu sôi lửa bỏng. Trai thì c ứ cầm 100%, từ một tháng nay. Hết giờ học, đến giờ ăn, giờ ngủ và giờ ra tuyến phòng-thủ. Tỉnh thoảng nhận được một bức thư, bạn bè cùng xóm đọc. Có khi là một t i n mừng, nhưng cũng không ít tin dữ. Nào là một bạn đồng đội tại đơn vị nhà bị sát hại khi địch tấn công vào thành phố; nào là cha mẹ anh em di tản bị thất lạc trên đường vào Nam, những cảnh hú hồn hú vía có thể làm xúc động lòng người.

Cuộc chiến đã khởi đầu vào thường - tuần tháng ba 1975 phía nam vĩ tuyến 17. C o n đường 19 từ Qui Nhơn đi Pleiku cũng n h ư con đường 21 đi từ Ban Mê Thuộc đến Nha Trang đã bị cắt đứt. Sáu sư đoàn quân Bắc

Việt tấn công vào Ban Mê Thuộc. Lực-lượng - chống trả chỉ bằng phân nửa. Ban Mê Thuật - thất thủ ngày sau đó Tổng Thống Thiệu cấp tốc ra miền Trung... rồi ra lệnh cho c á c tướng lãnh tư lệnh ngoài ấy thu quân. Lúc bấy giờ báo chí cũng như các tin đồn làm điên đảo, người ta không thể nào biết được sự việc hư thực.

Trong phòng kiểm huấn và khảo thí chỉ c ó 3 người. Thiệu Tá Thành là trưởng phòng, Tug úy Ngô phụ tá và cô thợ kỹ đánh máy. Chiếc quạt trần cũ kỹ quay chậm rãi phát ra một thứ tiếng động đều đều.

- Anh Ngô, chiều nay bài thi có thể x o n g chưa? Thiệu Tá Thành quay sang phía b a n Ngô hỏi.

- Có thể xong, Thiệu Tá, nếu tôi nay c a n thiệp với chỉ huy trưởng tôi khai ra tuyến phòng thủ.

- Anh yên chí, như thường lệ, và lại đêm nay tôi trực, anh không lo, Thành xác nhận như vậy.

- Này Thiệu Tá... Liệu khóa học này có thi ra trường không, Ngô nửa đùa nửa thật.

Thành vừa cười:

- Anh nghi sao mà hỏi vậy?

- Tình hình trước mắt đó Thiệu Tá nghĩ sao? Cô Huệ, thợ kỹ đánh máy, từ phía bàn góc kia ngừng tay đánh, xen vào:

- Thiệu Tá ời, hôm rày cháu nghe nói m i nh di tản chiến thuật, hết nỗi này đến nỗi khác Di tản chiến thuật là gì hả Thiệu Tá, Huệ ngây thơ hỏi.

- Cô là dân sự làm sao hiểu nội các danh-tử quân sự. Bấy giờ người ta dùng tôi cũng phải suy nghĩ, Thiệu Tá Thành chơn - thật đáp.

- Cháu có người anh bà con nhỏ di tản chiến thuật mà từ vùng hai chiến thuật về t ở i trong này.

- Anh cô có giải thích cho cô điều đó hay không, Ngô hỏi Huệ.

Cô gái ngẩng ngó một giây rồi đáp:

- Anh ấy là một quân nhân thuộc sư - đoàn 23 bộ binh, một đơn vị nằm trong khu vực bảo vệ Kontum và Pleiku, theo lời anh ấy, bỗng một hôm đơn vị được lệnh hành quân ra Qui Nhơn. Sau đó được gọi là di tản chiến thuật. Thiệu Tá Thành giải thích nỗi thắc mắc của Huệ:

- Hành động của một hoặc nhiều đơn vị tạm thời rời khỏi khu vực trách nhiệm của mình để đến một địa điểm khác nhằm mục đích bảo toàn lực lượng mình hoặc có những ý - đồ nghi binh, đánh lạc hướng địch... những gần

dây mình lam dung tú ngữ. Thua địch bo chạy
cứ nói là đi tản chiến thuật, đi tản chiến
thuật.

Cả 3 cùng cười.

Bỗng bên ngoài có tiếng gõ cửa phòng.

- Cứ vào!

Một hạ sĩ nhứt dây cửa vào.

- Trình Thiếu Tá một thông báo khẩn, viên
Hạ sĩ nhứt vừa chào vừa trao quyển - số
thông báo bì đen dày cộm.

Thiếu Tá Thành tiếp lấy quyển số đưa mắt
nhìn sơ qua một lượt rồi đọc to:

"Thông báo (khẩn),

Khối yểm trợ thi hành lệnh chỉ huy trưởng
lúc 15 giờ 30 yêu cầu các khối huấn luyện
khối chiến tranh chánh trị, liên đội khóa-
sinh và phòng kiến huấn và khảo thí tập-
hợp khẩn cấp 100% quân số.

- Địa điểm: sân phòng trực.

- Trang bị: Vũ khí cá nhân và quân trang

- Mục đích: thực tập báo động tác chiến.

KBC 4643, ngày... tháng 4/75

Đại úy trưởng khối yểm trợ Nguyễn Văn Minh
Ký tên và đóng dấu"

- Thôi dẹp tất, cả tài liệu thi, mình chuẩn
bị cho kịp, chỉ còn 15 phút thôi, Thiếu Tá
Thành hồi thúc và hoàn quyển số lại c h o
Hạ Sĩ nhất Viên Há.

Ngô đứng lên soạn thứ tự các hồ sơ dầy áp
trên bàn rồi lên lượt bỏ vào các ngăn tủ
sắt. Xong khóa lại cẩn thận.

- Bấy giờ cô Huệ tha hồ rành. Thôi lo thu
xếp đồ đạc về, Ngô nói.

Huệ cười nhẹ nhõm.

Không khí các phòng bên trở nên ồn ào. Toàn
thể khóa sinh ra khối lớp nhộn nhịp. Không
khí trở nên khác thường, như có việc gì
sắp xảy ra. Mà thật vậy. Chỉ còn 10 p h ú t
nửa là tập hợp. Bấy giờ Ngô mới thấy rõ rệt
không khí chiến tranh nó tít xa ập vào, làm
xáo động tinh thần một đơn vị tướng chúng
như an ninh lắm. Kê chạy qua, người đi lại
hấp tấp.

Thời gian trôi qua rất nhanh chóng. Nhưng
hồi chuông điện reo thúc giục. Lệnh tập hợp
bắt đầu. Năng chiêu chói chang. Tiếng giầy
cao cổ nện nặng trĩu xuống nền đất khô
thắng từ rầm rập, tiếng khua động của vũ-
khí vừa hào hùng vừa khẩn trương.

Trong sân trước phòng trực, đội ngũ đã tập
hợp xong. Đại Tá chỉ huy trưởng đến. Ông ta
chúng khoản 50 tuổi, nước da trắng, mập phệ
nhưng nổi tiếng là "trâu điên" trong ngành
ai cũng nghe tiếng, oai vệ trong bộ quân-
phục thẳng nếp, đầu đội mũ sắt bọc lưới -

ngụy trang, hông đeo khẩu Colt lặc. Hàng
ngũ im phăng phắt. Chỉ huy trưởng d u y ết
hàng quân xong, ông ta len vào tưng hàng -
quân để tin tướng lĩnh của mình đã được
thi hành tuyệt đối. Đại úy trưởng khối yểm
trợ theo bên cạnh ông ta để nghe chỉ thị.

Ngô lúc bấy giờ trực thuộc bộ chỉ huy
riêng quân trang và khẩu các-bin M2, anh
mang thêm một túi cứu thương cấp cứu, thật
sự trong đó chỉ vỏn vẹn mười cuộn băng cầm
máu, vài lo thuốc viên đa sinh tố,

cồn và thuốc đồ. Tuy đây chỉ là một cuộc
thực tập có dự tính, nhưng Ngô cũng có cảm
tưởng khác lạ hơn mọi ngày, trong lòng như
có một niềm vui nhộn nhịp, xúc động. Nếu
có một ngày lâm trận nào đó xảy ra, mình
có thể làm gì với khẩu súng này, với chiếc
túi cấp cứu này? Tư ngày ra trưởng võ -
khoa Thủ Đức đến nay, Ngô có biết chiến -
trường hay súng đạn là gì. Ngày hai buổi
như một công chức. Đăm ám với vợ và m o t
con trai lên 4.

Quân số và cán bộ nhà trưởng vừa khóa sinh
sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ khoảng chừng
200. Vũ khí thì trang bị khoảng trăm khẩu
M16 vừa mới nhận được trong tình hình mới
còn lại thì các-bin M1 và M2, 2 khẩu pháo
81 và 60 ly, năm ba khẩu đại liên, đặc biệt
được một số vũ khí chống tăng M72 rất lợi
hại.

Sau khi quan sát kỹ lưỡng, Đại Tá chỉ huy
trưởng trở lại vị trí đứng trước giữa đội
ngũ, nghiêm chỉnh và dong dạc lên tiếng:

- Cùng các anh em cán bộ sĩ quan, hạ sĩ-
quan và binh sĩ; cùng các anh em khóa sinh
các cấp...

Ngưng một giây như xúc động, ông ta n ó i
tiếp:

- Số di có cuộc thực tập hôm nay, như các
bạn đã biết tình trạng đất nước chúng ta
ngày càng trở nên khẩn trương. Công - Sản
đã xé hiệp định Paris. Như Tổng Thống đã
nói: "đất nước còn là còn tất cả". Bởi vậy
chúng ta phải giữ lấy nó, nếu đất nước này
rời rạc tay Cộng Sản thì chúng ta c u n g
chẳng còn gì. Mục đích cuộc thực tập h o m
nay chuẩn bị cho anh em một tinh thần sẵn
sàng chiến đấu. Giờ phút đất nước lâm nguy

chúng ta không thể yên ổn ngồi học hành. Các ban tạm gác nó lại một bên, chúng ta cùng nhau lo đối phó...

Ông ta nói rất dài, đôi lúc với giọng khẩn thiết, đôi lúc thao thao bất tuyệt, danh thép và cương quyết.

Trời nắng gay gắt. Anh em trong hàng đứng tưng tưng trong thế nghỉ nhưng cũng thấm nóng và dổ mồ hôi.

Lời cuối cùng của vị chỉ huy trưởng như sau:

- Tôi mong anh em có đầy đủ tinh thần và nghị lực, nâng cao kỹ thuật quân đội, đoàn kết quyết tâm thi hành mệnh lệnh cấp trên hầu chống trả những âm mưu đen tối của địch mong xích hóa miền Nam. Thân ái chào các ban.!

Vừa chấm dứt lời chỉ huy trưởng, tiếng võ tay vang dội cả khu trưởng.

Ngày lại ngày qua, cứ như thế mà tình hình biển chuyên không ngừng, không ai có thể ngờ được sẽ ra sao ngày mai.

Khi vừa được lệnh di tản người ta được biết miền Trung đã bắt đầu hỗn loạn không thể tả. Ngay tức khắc đâu chẳng có mây mây hăm dọa nào, manh ai nấy tìm cách thoát thân.

Theo tin tức báo chí, con đường số 7 ra Qui Nhơn và biển, xe cộ nghẹt ứ, nối thành một hàng dài hàng ngàn chiếc, nào là dân sự, pháo binh xe hàng chớ heo, xe bọc sắt, trâu bò, viên chức địa phương, cảnh sát, gia đình bà con, họ hàng và nhứt là trẻ nít. Đó là cơ hội tốt cho địch.

Những đơn vị của sư đoàn 320 cộng quân cắt ngang cột sống di tản ấy: 3000 xe cộ và hầu hết quân dụng đều mất hết.

Trước tình thế đó, Tổng Thông VNCH quyết định tăng cường lực lượng phòng thủ Sài Gòn, rút các lữ đoàn dù từ Huế đồng thời ông tự ý kiến di tản toàn tỉnh Quảng Trị, nắm giữ dải biên giới Bắc Việt ngang vĩ tuyến 17.

Khi lệnh đã ban ra thì hàng trăm ngàn người trong cảnh hỗn loạn kinh khủng, theo con đường vào Huế, lúc ấy binh sĩ và dân chúng lẫn lộn và cộng quân tha hồ pháo kích vào đoàn người ở hợp di tản ấy. Duy chỉ một ít quân nhân ra đến bờ biển, tìm cách vượt vào phía Nam. Người ta ước lượng khoảng năm mươi ngàn người trong toàn tỉnh dùng tất cả con đường xuống phía nam. Trên những con đường

"kinh hoàng" ấy đã xảy ra biết bao cảnh thương tâm: chết đói, chết khát, hăm hiếp và cướp của giết người.

Cứ như thế lần lượt, quốc lộ 1 huyết mạch chạy dọc bờ biển đã bị cắt đứt ngày 26/3/1975. Huế thật thảm. Thế là gần nửa triệu người di cư đổ dồn vào Đà Nẵng và nơi đây chỉ hai hôm sau không còn xảy ra một cuộc chiến đấu nào cũng đã bị mất như chỗ không người. Chiến thuật của cộng quân bấy giờ là làm thế nào gây được nhiều hỗn loạn cho đối phương càng tốt, họ chỉ cần cho oanh kích làn sóng người di tản.


Cuộc chiến xảy ra mau lẹ khiến không mấy chốc đã rơi vào tay địch các vùng trọng yếu của tuyến đầu. Hôm di tản bờ Đà Nẵng, một trong những cảnh tượng bi đát xảy ra ở phi trường do không quân Hoa Kỳ đảm nhiệm cất cánh những máy bay và trực thăng sau cùng. Làn sóng người tranh xô nhau ở lên phi cơ. Người thì vô số, máy bay và chỗ có hàng nhưng vì mang sóng, ai cũng liêu bảm lấy cửa, lấy càng trực thăng. Mạnh người ở dưới cố đeo lên và người ở trên dậm dẩy họ cho rớt xuống trong lúc máy bay cất cánh một cách hấp tấp không bình thường. Như thế đã xảy ra sự mất thăng bằng của phi cơ, gây tai nạn tập thể; cũng như có rất nhiều nạn nhân rơi ra khỏi phi cơ, có người may mắn hơn, còn vướng theo thân máy bay, nhưng khi đến nơi thì đã chết từ lúc nào, thân thối nát!

Bấy giờ chỉ còn lại Nha Trang. Người tạtуйn ra đó lữ đoàn dù để yểm trợ. Cuộc chiến lại xảy ra tại đây khiến tổn thất phần nửa quân số vừa tăng cường để rời chi trong mấy ngày đầu của tháng tư, Nha Trang bị mất.

Các tỉnh từ vĩ tuyến 17 trở vào, lần lượt không đầy một tháng, Quảng Trị, Thừa Thiên (Huế), Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Tuy Hoà và Nha Trang thất thủ! tinh thần quân đội sa sút. Miền Nam tính ra phần đất còn không bằng phân nửa!

(Còn tiếp)

Cảm tạ

Trong thời gian qua chùa Viên Giác đã nhận được sự ủng hộ định kỳ và bất thường của chư Phật Tử xa gần, cũng như những báo chí tin tức của các hội đoàn và các tổ chức. Chúng tôi xin thành thật cảm niệm công đức của Quý Vị và mong rằng chùa Viên Giác vẫn nhận được thường xuyên những sự ủng hộ tư vật chất đến tinh thần của Quý Vị. 

Hội nghị Phật Giáo thế giới họp vào tháng 6 năm 1950 tại Sri Lanka (Tích Lan) đã chấp nhận và cho thông qua nhiều đề nghị và quyết định quan trọng. Một trong những quyết định ấy chú trọng về sự duy nhất hoá Phật Giáo trên thế giới bằng sự nhìn nhận một lá cờ chung tượng trưng cho tinh thần duy nhất ấy. Lá cờ được chấp nhận có 6 sọc ngang ghi lại 6 màu hào quang của Đức Phật sắp đặt tuần tự như sau:

Xanh đậm, vàng, đỏ sẫm, trắng, da cam, và một màu tổng hợp cuối biên phía bên kia.

Kỳ hiệu ấy không những ghi lại hào quang và tinh thần của đấng Thế Tôn (Blessed One), mà còn là một tượng trưng của nền Phật Giáo phục hưng trong giai đoạn cận đại.

Xuất hiện lần đầu tiên tại đảo Sri Lanka với nền phục hưng Phật Pháp cuối thế kỷ trước. Lá cờ này không những riêng được thông dụng trên đảo, mà còn được hồi Maha Bồ Đề bên Ấn Độ truy nhận ngay khi hội này mới thành lập (khoản những năm đầu thế kỷ này).

Lá cờ này với lịch sử tinh thần của nó, được hầu hết các nước trên thế giới họp trong những ngày lịch sử tại Colombo (thủ đô Tích Lan) đương nhiên xem như là sự tượng trưng của nền thống nhất PG thế giới. Giá trị của nó được công nhận ngay, đến nỗi có người đề nghị một lá cờ khác hình tam giác màu da cam với Asakan Dhamma Cakka (pháp luân) chính giữa, mặc dù lá cờ này giản dị và nhiều ý nghĩa hơn cũng xin rút lui ngay.

Ngày nay lá cờ 6 sọc là một bảo vật cao cả của thế giới Phật Giáo. Quả khứ và hiện-

tại đã được qui về một khối trong lá cờ này mà các màu sắc là những hào quang của chánh pháp, đứng mãnh toa ra từ Bốn sứ chúng ta và hòa hợp chúng ta với giòng suối vô tận của chân lý bất diệt. Mặc dù liên hệ với quả khứ, lá cờ sáu màu là một công trình sáng tác của thời đại. Nó xuất hiện ăn nhịp với sự phục hưng của chánh pháp trên thế giới ngày nay.

Vừa tượng trưng cho trí tuệ minh mẫn, vừa là nguồn gốc của giác tánh mặc ngộ, oai lực dũng cảm, để làm việc thiện đời nay, lá cờ Phật Giáo thế giới tiếm tàng bao nhiêu chân giá trị phong phú tối cần thiết cho thời loạn ngày nay. Chỉ thấy lá cờ ấy phát phối trên không trung cũng đủ cho tâm chúng ta hòa nhịp với những điệu nhạc ái tha, trí tuệ chúng ta rung lên những ý niệm hoà bình. Lá cờ nhắc ta tỉnh ngộ và tự giác những bốn phận thiêng liêng và phục vụ nhân loại. Xa tất cả những ý nghĩ hung bạo và chiến tranh, lá cờ Phật Giáo chẳng hoen ố bởi một giọt máu đào, máu của người hay của loài vật. Nó là một lá cờ vô song trong lịch sử nhân loại, và vì thế nó là tượng trưng của hy vọng và hoà bình.

Dưới bóng cờ này không thể có sự xâm lăng nào. Đó là lá cờ của công lý, của lòng thành kính mến yêu đối với thánh hiền, nhân loại và sinh vật. Đó là lá cờ tượng trưng lòng nhiệt thành đối với những kẻ khôn cùng đau khổ, và chán nản. Đó là lá cờ của sự tận tâm phục vụ cho hạnh phúc và hoà bình và trên tất cả, để đi đến cõi Niết - Bàn an vui và xán lạn.

Chúng ta hy vọng nói nào mà lá cờ này phát phối tung bay

là nơi đó sẽ thoang ra một hương vị hòa bình hạnh phúc và trí tuệ, mặc dù là Tích - Lan, Miên Điện, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam hay Nhật Bản, hoặc tại Âu châu, Mỹ Châu, Phi Châu hay trên những đảo lớn nhỏ tại Thái - Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, khi nào tất cả các đô thị cho đến các hang cùng ngõ hẻm trên thế giới được thấm nhuần hương vị như thế, các mối xung đột sẽ dứt trừ và hoà bình sẽ thực hiện. Đó là mục phiêu mà lá cờ đang kêu gọi ta đi đến, vì lá cờ này trong tay, và vì sự mệnh hoà bình của Đức Phật trong tâm, chúng ta hãy băng rừng vượt biển, tứ dật này qua đất khác, tứ xứ này qua xứ khác, tứ miền nọ qua miền kia, và tứ đời này sang đời khác, cho đến khi sương đầy thiên ý vô biên ấy lan khắp trái đất và hoà bình sẽ trở về với nhân loại.

Thật vậy, lá cờ này là sứ giả của chân lý và của tứ bi vô hạn. Lá cờ này khuyến khích ta cố gắng đi đến một kỳ nguyên mới đầy hy vọng, ở hạnh phúc và hoà bình của thế giới. Chúng ta cầu nguyện lá cờ này sẽ trường tồn và phát phối tung bay mãi mãi với chánh pháp bất diệt.

TRÍCH DỊCH TẠP CHÍ CỦA TỔNG HỘI PHẬT GIÁO THẾ GIỚI:

ý nghĩa

Cờ Phật Giáo



do của mình dưới đây biếng lười. Những người may mắn sống sót khi đã tạm ổn định đời sống vật chất, liền tìm cách tập hợp thành hội đoàn hoặc liên kết với những cơ sở hoạt động văn học nghệ thuật được gây dựng bởi những người kịp ra đi trước ngày 30.4.1975. Và chúng ta chứng kiến một sức sinh hoạt càng ngày càng lớn mạnh của các văn nghệ sĩ VN tại nước ngoài. Hẳn nhiên ở buổi đầu, không làm sao tránh được những mâu thuẫn, những tranh chấp và nghi kỵ lẫn nhau - hậu quả tất yếu của một cuộc chiến tranh lâu dài những với thời gian chắc chắn những dị biệt này sẽ được khắc phục bởi vì không một người Việt Nam nào không cứu mạng trong tâm hồn mình nỗi đau khổ - nỗi khổ đau của người dân mất nước - và trong khổ đau con người dễ sum họp lại.

IV

Không nhận một sự chỉ đạo nào nên văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại lớn mạnh bằng chính ý thức trách nhiệm của nó trước lịch sử dân tộc Việt Nam, trước xã hội của các quốc gia đã tiếp cư chúng ta

Trước lịch sử Việt Nam các văn nghệ sĩ Việt Nam có sứ mạng duy trì và phát huy nền văn hoá truyền thống của một dân tộc mà chúng ta hiểu rõ hơn ai hết đó là một trong số các nền văn hoá cao nhất của Á Châu, một nền văn hoá đã dung hóa hầu hết các trào lưu văn hoá lớn nhất của nhân loại: Ấn - Hoa trước kia và gần một thế kỷ trở lại đây, Hy Lạp - La Mã xuyên qua ảnh hưởng của nền văn hoá Pháp và Anglo-Saxon với sự hiện diện của Hoa Kỳ.

Trước xã hội của các Quốc gia đã tiếp cư chúng ta, các sinh hoạt văn học nghệ thuật được tổ chức qui củ và thích hợp sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc hội nhập. Chúng ta sẽ không cảm thấy đứt đoạn với cộng đồng lạc loài, không định hướng. Từ đó để đi tới chỗ mất gốc sa đọa. Và thay vì học hỏi những điều hay nét đẹp về văn hoá của các quốc gia này, chúng ta lại dễ bị cuốn hút bởi những điều dở và tội ác. Điều này sẽ gây khó khăn cho các chính phủ đã tiếp cư chúng ta. Dù sự tuyên truyền xuyên tạc của cộng sản có như thế nào, dù sự ngộ nhận chính trị có đưa tới một vài ngược đãi của một số người bán xú dành cho chúng ta, chúng ta không nên quên rằng hành động tiếp cư kia phát xuất từ một trong số những tình cảm cao đẹp nhất mà con người có được: Đó là lòng nhân ái.

Để đáp lại tình cảm cao đẹp ấy, chúng ta cần phải nỗ lực không ngừng để thể hiện - xuyên qua các sinh hoạt văn học nghệ thuật được tổ chức qui củ và thích hợp, những điều hay nét đẹp của văn hoá Việt Nam. Chúng ta đang ở vào một thời đại mà không có một dân tộc nào lại không tìm thấy nơi một dân tộc khác ít hoặc nhiều điều cần học hỏi. Đầu óc quốc gia hẹp hòi, mặc cảm tự tôn không đứng chỗ sẽ làm nghèo đi kiến thức của chính mình, sẽ làm hoen ố những tình cảm tốt đẹp giữa những dân tộc đang đứng trên cùng một trận tuyến. Trận tuyến của những người đang chiến đấu chống lại một ý thức - hệ chỉ nhằm đưa con người tới chỗ phá sản những yếu tính

của chính con người.

Sự hình thành nền văn - học - nghệ thuật Việt Nam hải ngoại, trong chiều hướng ấy, là cách đối kháng tích cực và thực tế nhất trước ý thức hệ Mác - Lê. Nó cũng vừa là sự góp phần sự phát triển chung của văn hoá nhân loại.



PHẬT SỰ

Trong thời gian qua chúng tôi đã phải dời về địa chỉ mới tại Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover 81, nên sự liên lạc với một số Hội Đoàn cũng như những tổ chức khác trở nên chậm trễ. Kính mong Quý vị niệm tình hy thứ cho.

Mặc dầu ngôi chùa mới được sự giúp đỡ của chính quyền - CHLB Tây Đức, nhưng chúng tôi cũng mong rằng quý vị Phật Tử xa gần cố gắng tiếp tay với chúng tôi ở nhiều phương diện - vật chất hoặc tinh thần - để chúng tôi hoàn thành sứ mạng cao cả mà chư Phật và chư Tổ Sư đã bao đời truyền thừa cho đến ngày hôm nay.

Vì Đức Phật vẫn luôn dạy rằng "Bốn phận của người xuất gia là lo hoàng hóa độ sanh và bốn phận của người Phật Tử tại gia là hộ trì Tam - Bảo". Do đó chúng tôi mong mọi rằng hai yếu tố chính đó chúng ta phải thực hành song song với nhau mới mong Phật Pháp được mãi truyền thừa nơi xứ này. Bằng ngược lại thì sẽ không hoàn thành như ý nguyện.

Kính mong chư vị Phật Tử xa gần liễu ngộ cho.

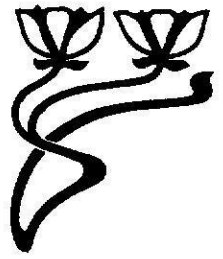
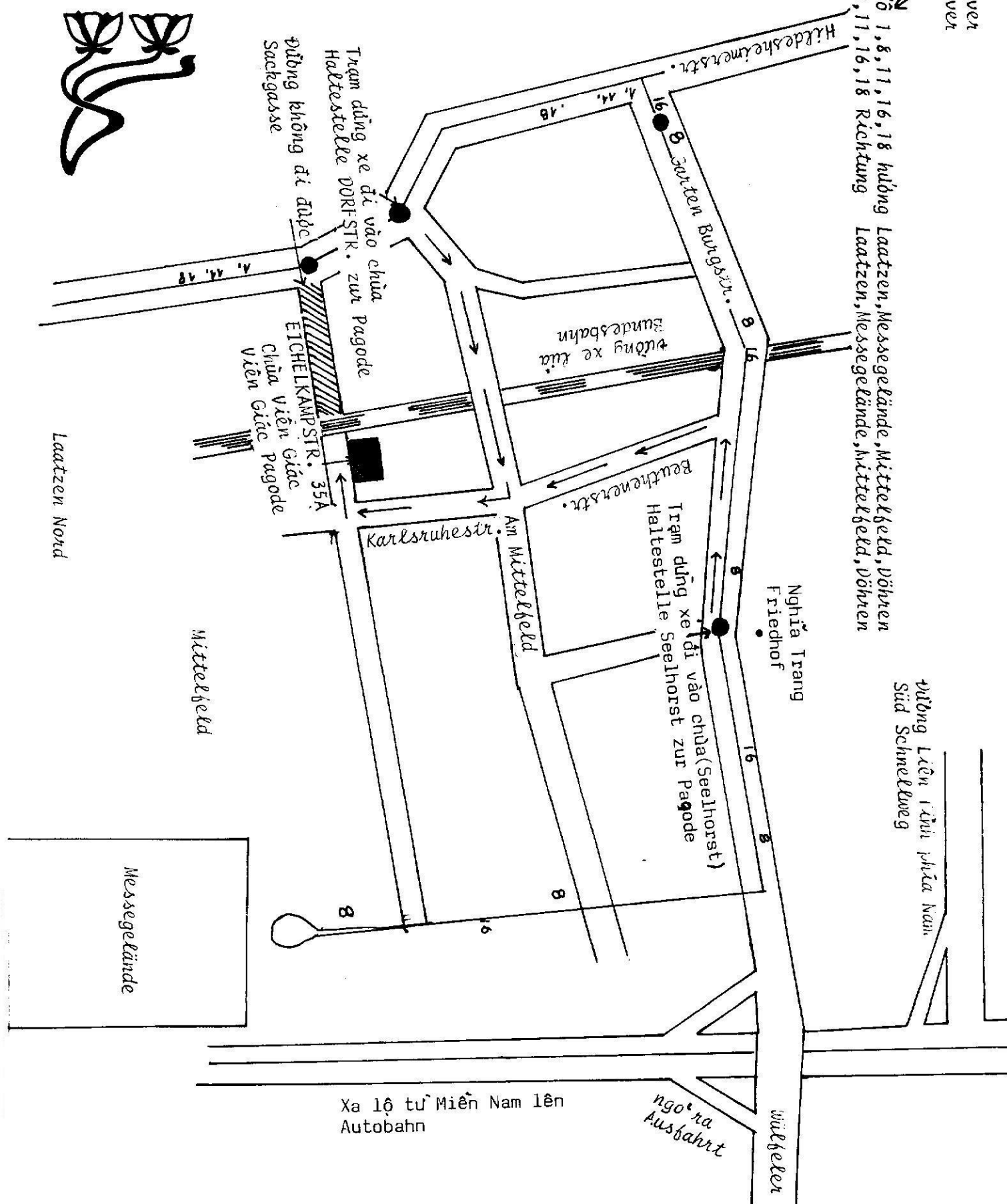
Bản chỉ dẫn cách đi đến Chùa VIÊN GIÁC

Nhà Gare chính Hannover
Hauptbahnhof Hannover

Neue Adresse: Viên Giác Pagode
EICHELKAMPSTR. 35 A
3000 Hannover 81
Têl. 0511-864638

Những đường xe điện số 1, 8, 11, 16, 18 hướng
Straßenbahnlinien 1, 8, 11, 16, 18 Richtung Laatzen, Messegelände, Mittelfeld, Döhren

hướng Liên (tên phía Nam)
Süd Schmelweg

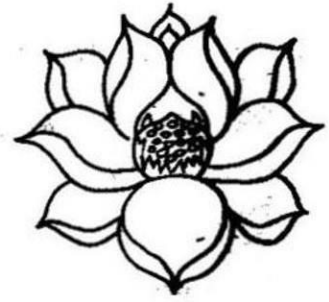


Xa lộ từ Miền Nam lên
Autobahn

ngo'ra
Ausfahrt

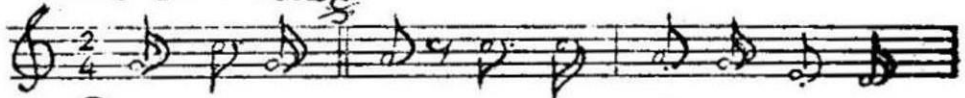
Mittelfeld

PHẬT-GIAO VIỆT-NAM THỐNG NHẤT



— Lê Cao Phan —

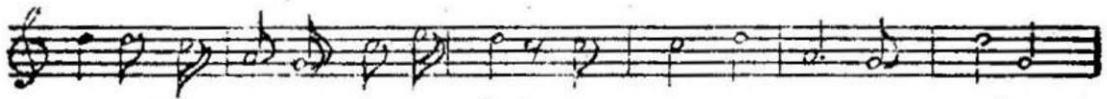
Trang nghiêm $\text{♩} = 92.5$



Phật-giáo Việt-Nam. Thống-nhất Bắc-Nam-Trung-tuê



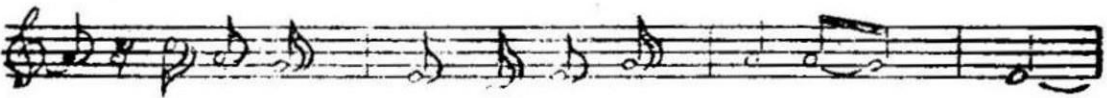
Một lòng chúng-ta tiến lên vì Đạo-Thiền. Nào cũng vui
hay. Nào cũng chúng-ta kết nên một đài sen. Cũng làm sao



trong ánh Đạo kính trọng ngôi bốn-phương. Long Ca đón chào Phật-giáo Việt-
cho Đóa sen ngời đỗi hời ngát hương. Muốn-phương thắm nhuộm P.G. Việt-



nam.
nam. Noi tấm gương Ngôi Thích-Ca giải-thoát chúng-sanh.



Chúng-ta dốc lòng nguyện cũng reo-rào quanh mình.



Đạo hồi vui lãnh trần lặn hồng tan đau - đớn.



Chắp tay ta cũng dưới đài Sen thắm kết đoàn Phật-giáo.V.

